



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI**

Địa chỉ: Hồ Nai 3-Trảng Bom-Đồng Nai

ĐT : 0251 3968 206

Email: cogioivathuyloi@gmail.com

Fax: 0251 3968 206

Web : vcmi.edu.vn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2024**

Đồng Nai, tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

		Trang
	CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
PHẦN I.	GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1	THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	5
1.1	Lịch sử phát triển nhà trường	5
1.2	Thành tích nổi bật	6
2	THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	09
2.1	Lịch sử và thành tích nổi bật của Khoa Cơ giới	09
2.2	Cơ cấu tổ chức	10
2.3	Danh sách cán bộ chủ chốt của Khoa	10
2.4	Các ngành nghề đào tạo của Khoa	10
2.5	Cán bộ, giáo viên của Khoa	10
2.6	Số lượng học sinh, sinh viên	11
3	THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	11
3.1	Mục tiêu đào tạo	11
3.2	Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học	14
3.3	Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề	14
3.4	Nội dung chương trình	15
3.5	Hướng dẫn sử dụng chương trình	17
3.6	Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo	19
PHẦN II	KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	21

		Trang
1	Tổng quan chung	21
2	Tự đánh giá	22
2.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá	22
2.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	28
2.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	28
2.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	40
2.2.3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	50
2.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	56
2.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	67
2.2.6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	76
2.2.7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	81
PHẦN III	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	93
PHẦN IV	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	94
	PHỤ LỤC	95
1	Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	95
2	Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	98
	BẢNG MÃ MINH CHỨNG	104

NỘI DUNG CHÍNH
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Giải thích
1	HSSV	Học sinh sinh viên
2	Đoàn TN	Đoàn Thanh niên
3	Đảng CSVN	Đảng cộng sản Việt Nam
4	CBVC	Cán bộ viên chức
5	BCH CĐCS	Ban chấp hành công đoàn cơ sở
6	CĐ CG&TL	Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi
7	BCH	Ban chấp hành
8	TC	Trung cấp
9	CĐ	Cao đẳng
10	KTX	Kí túc xá
11	Bộ LĐ TB&XH	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
12	Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
13	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
14	KĐCLGDNN	Kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp
15	UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

- **Tên trường:** TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI
- **Tiếng Anh:** *College of Machinery and Irrigation*
- **Địa chỉ trường:** Hồ Nai 3 – Huyện Trảng Bom – Tỉnh Đồng Nai
- **Số điện thoại:** 0251.3968.206; 0251.3968.216; 061.8917.407
- **Số fax:** 0251. 3968.203
- **E-mail:** cogioivathuyloi@gmail.com
- **Website:** <http://vcmi.edu.vn>
- **Năm thành lập trường:**

Năm thành lập đầu tiên: Ngày 28/8/1976

Năm thành lập trường Cao đẳng: Ngày 17/10/2008

1.1. Lịch sử phát triển Nhà trường

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi là trường công lập, trực thuộc Bộ NN&PTNT. Trải qua thời gian, Trường đã nhiều lần được đổi tên và nâng cấp, cụ thể như sau:

- Ngày 28 tháng 8 năm 1976, Trường Công nhân Cơ giới 3 được thành lập theo quyết định số 1206/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Thủy lợi (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) trên cơ sở tiếp quản Trường Trung cấp Kỹ thuật Gò Công tỉnh Tiền Giang có trụ sở đóng tại 91 - Trưng Nữ Vương - Thị xã Gò Công - Tỉnh Tiền Giang.

- Ngày 30 tháng 7 năm 1981, Trường Dạy nghề Liên hiệp các Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 4 được thành lập theo quyết định số 507/QĐ/TCCB của Bộ Thủy Lợi

- Ngày 13 tháng 9 năm 1986, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi ra quyết định số 434 sáp nhập Trường Công nhân Cơ giới 3 và Trường Dạy nghề Liên hiệp các Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 4 thành Trường Dạy nghề Cơ giới 3 có trụ sở tại Xã Hồ Nai 3 – Huyện Trảng Bom – Tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 16 tháng 10 năm 2006, thành lập Trường Trung cấp Cơ điện và Thủy lợi Đông Nam Bộ trên cơ sở nâng cấp trường Dạy nghề Cơ giới 3 theo quyết định số 2986/QĐ – BNN-TCCB của Bộ Trưởng Bộ NN&PTNT.

- Ngày 17 tháng 10 năm 2008, Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi được thành lập theo quyết định số 1387/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Cơ điện và Thủy lợi Đông Nam Bộ.

- Giai đoạn từ 2003 đến 2013 trường trực thuộc Tổng công ty xây dựng thủy lợi 4.

- Năm 2013, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định số 175/QĐ- BNN-TCCB, chuyển Trường từ Tổng công ty xây dựng thủy lợi 4 về trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thực hiện triển khai luật giáo dục nghề nghiệp năm 2017, ngày 20 tháng 6 năm 2017, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ra quyết định số 922/QĐ-LĐTBXH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi thành Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi.

- Ngày 1 tháng 10 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội ra Quyết định số 1328/QĐ-BLĐTBXH sáp nhập Trường trung cấp Cơ điện Đông Nam Bộ vào Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi.

1.2. Thành tích nổi bật

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật đa ngành nghề theo 3 cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nhằm phục vụ nhu cầu lao động của xã hội. Trong những năm qua, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích và được các cấp có thẩm quyền ghi nhận.

- Ngày 06 tháng 06 năm 2013 Trường được Bộ Lao Động Thương binh và Xã hội quy hoạch thành trường trọng điểm quốc gia, tham gia đào tạo 04 nghề đạt trình độ quốc tế và 02 nghề trình độ quốc gia theo quyết định số 854/QĐ-BLĐTBXH về việc phê duyệt nghề trọng điểm.

- Năm 2014 trường đã chính thức được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là một trong 45 trường công lập để tập trung đầu tư thành trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 theo quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014.

- Những năm qua, Nhà trường đã mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên nhà trường với các tổ chức quốc tế như tổ chức GIZ (CHLB Đức), tổ chức JICA – Nhật Bản, hợp tác với Tây ban Nha đào tạo nhóm yếu thế, tham gia và được công nhận là thành viên chính thức của hiện hội dạy nghề châu Âu (EVBB), tham gia và trở thành thành viên của mạng lưới trung tâm phát triển giáo dục kỹ thuật khu vực Đông Nam Á, hợp tác với tổ chức Aus4skills của Australia và Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ, hợp tác với Đan Mạch trong xây dựng chương trình điện gió.

- Trong quá trình hoạt động, được sự lãnh đạo của cơ quan chủ quản là Bộ Nông nghiệp và PTNT, sự chỉ đạo về chuyên môn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, trực tiếp là Tổng cục GDNN, sự giúp đỡ và hợp tác của các ban ngành địa phương, các trường bạn cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ viên chức, giáo viên, nhân viên và HSSV, nhà trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và được tặng thưởng nhiều bằng khen, cờ thi đua của Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ LĐ-TBXH, UBND tỉnh Đồng Nai dành cho tập thể và cá nhân.

❖ Về khen thưởng:

- Huân chương Lao động hạng Nhất ngày 13/3/2017.

- Huân chương Lao động hạng Nhì ngày 24/12/2011.

- Huân chương lao động hạng Ba ngày 28/2/2008.
- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ các năm 2011, 2016, 2022.
- Cờ thi đua của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT các năm 2008, 2010, 2011, 2012, 2015, 2019, 2021, 2023.
- Cờ thi đua của Công đoàn ngành Nông nghiệp và PTNT các năm 2017, 2019, 2020, 2021.
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Đồng Nai các năm 2012, 2017, 2018, 2022, 2023, 2024.
- Cờ thi đua của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam năm 2016.
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2023.
- Bằng khen của Bộ trưởng bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các năm 2012, 2013, 2014, 2018, 2020
- Bằng khen của Bộ trưởng bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2019.
- Bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các năm 2011, 2013, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.
- Được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tặng nhiều bằng khen các năm 2011, 2013, 2014, 2015, 2016, 2019, 2021.
- Nhiều năm liền tập thể Nhà trường đạt tập thể Lao động xuất sắc.
- Nhiều cá nhân và tập thể các đơn vị trong trường được Thủ tướng chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai... tặng nhiều Bằng khen .

❖ Các thành tích nổi bật:

- *Hội thi Giáo viên dạy giỏi các cấp:*
 - + Giai đoạn 2016 - 2024 đội tuyển giáo viên nhà trường tham dự 03 lần Hội giảng nhà GDNN cấp Tỉnh và đạt 03 giải nhất toàn đoàn với 10 giải Nhất, 04 giải Nhì, 01 giải Ba, 1 giải Khuyến khích cá nhân.
 - + Năm 2020, 2023 tham dự Hội giảng nhà giáo GDNN cấp Bộ, đội tuyển giáo viên của nhà trường đạt 05 giải nhất, 01 giải ba.
 - + Năm 2018 - 2024 tham dự Hội giảng giáo viên dạy giỏi toàn quốc, đội tuyển giáo viên của nhà trường đạt 03 giải ba và 05 giải khuyến khích;
- *Hội thi tay nghề học sinh các cấp:*
 - + Năm 2018: Hội thi tay nghề tỉnh Đồng Nai đạt 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba; Hội thi tay nghề quốc gia đạt 02 giải ba.
 - + Năm 2020: Hội thi tay nghề Bộ Nông nghiệp và PTNT được tổ chức tại Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi. Nhà trường có 15 thí sinh tham dự, kết quả HSSV của Trường đạt 14 giải nhất, 01 giải ba và Trường đạt giải nhất toàn đoàn.
- *Hội thi thiết bị đào tạo tự làm, thi sáng tạo kỹ thuật các cấp:*

+ Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2019 đạt 02 giải nhất, 02 giải nhì.

+ Hội thi sáng tạo kỹ thuật Tỉnh Đồng Nai năm 2022 đạt 01 giải nhì.

+ Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019, 2023 đạt 01 giải nhất và 02 giải nhì.

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên đơn vị: Khoa Cơ giới

Tên Tiếng Anh: Faculty of Machinery

Email: khoacogioi.cgtl@gmail.com

Năm thành lập đơn vị: 1976

2.1. Lịch sử và thành tích nổi bật của Khoa Cơ giới

2.1.1. Tóm tắt lịch sử phát triển:

- Năm 1976: Thành lập Ban Cơ giới
- Năm 2008: Đổi tên thành khoa Cơ giới

2.1.2. Thành tích nổi bật của Khoa giai đoạn 2020-2024:

✓ Thành tích của tập thể giáo viên trong Khoa:

- 01 bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2022
- 01 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2023
- 03 năm liền đạt danh hiệu thi đua Tập thể lao động xuất sắc (2021, 2022, 2023)

✓ Thành tích của các cá nhân giáo viên trong Khoa:

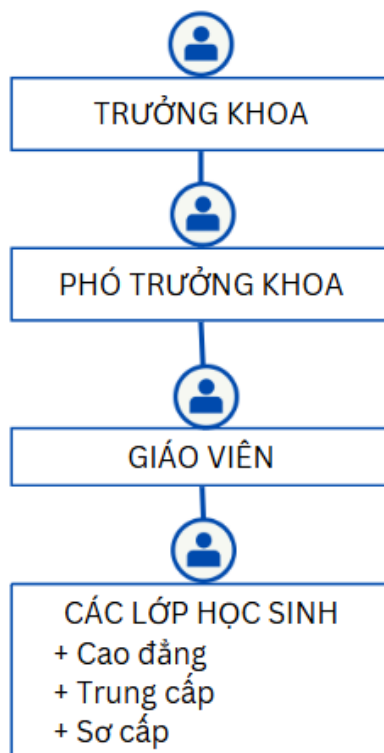
- 01 giáo viên tham dự Hội giảng Nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp toàn quốc, kết quả đạt giải Khuyến khích.
- 01 giáo viên tham dự Hội giảng Nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp cấp Bộ năm 2019 đạt giải Nhất.
- 01 giáo viên tham dự Hội giảng Nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp cấp trường năm 2022 đạt giải Ba
- 01 giáo viên tham dự Hội giảng Nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2024 đạt giải khuyến khích.
- Được UBND tỉnh Đồng Nai, Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng nhiều bằng khen cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác.

✓ Thành tích thi học sinh giỏi nghề:

- 02 học sinh đạt giải nhất, 01 học sinh đạt giải nhì tại kỳ thi tay nghề do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.
- 03 học sinh đạt Chứng chỉ kỹ năng nghề xuất sắc (Giải khuyến khích) tại kỳ thi kỹ năng nghề Quốc Gia năm 2020.

2.2. Cơ cấu tổ chức

CƠ CẤU TỔ CHỨC KHOA CƠ GIỚI



2.3. Danh sách cán bộ chủ chốt của Khoa

Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, chức vụ
Đỗ Cao Nguyên	1979	Trưởng khoa
Nguyễn Xuân Thắm	1977	Phó Trưởng khoa

2.4. Các ngành nghề đào tạo của Khoa

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 35/2018/GCNDKHH-TCGDNN và Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung số 35a/2019/GCNDKHH-TCGDNN đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp phép hoạt động. Các nghề đào tạo của Khoa Cơ giới bao gồm:

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo/ quy mô tuyển sinh		
		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1	Công nghệ ô tô	50	200	80
2	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp		60	
3	Vận hành máy thi công nền	35	35	

2.5. Cán bộ, giáo viên của Khoa

Thống kê số lượng cán bộ, giáo viên của khoa thực hiện chương trình đào tạo:

Tổng số:17

- Nam: 17

- Nữ: 0

- Cơ hữu: 10

- Thỉnh giảng : 07

<i>Giáo viên cơ hữu</i>			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Thạc sĩ	05	0	05
Đại học	05	0	05
Tổng số	10	0	10

2.6. Số lượng học sinh, sinh viên

Trình độ đào tạo	Năm học		
	2022	2023	2024
1. Cao đẳng	165	161	147
Nghề Công nghệ ô tô	165	161	147
2. Trung cấp	405	376	409
Nghề Công nghệ ô tô	405	376	409
Tổng	570	537	556

3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở phù hợp với các quy định. Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của nghề và phù hợp với nhu cầu thực tế xã hội.

Tên ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 6520216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

3.1. Mục tiêu đào tạo

3.1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo ra những con người có lòng yêu nước nồng nàn và ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc; Hiểu biết về Hiến pháp và pháp luật Việt Nam;

- Sinh viên được trang bị từ cơ bản đến chuyên sâu về kiến thức và kỹ năng nghề Công nghệ Ô tô;

- Sinh viên được trang bị đầy đủ các kỹ năng mềm cần thiết giúp ích sau khi tốt nghiệp dễ dàng tiếp cận và hòa nhập vào thị trường lao động.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ Kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- Giải thích được kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển;
- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm các thông số kỹ thuật của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện, điện tử, khí nén và thủy lực của các loại ô tô;
- Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được các yêu cầu cơ bản và các bước công việc khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp sử dụng, vận hành và phạm vi ứng dụng của các dụng cụ và trang thiết bị trong lĩnh vực Công nghệ ô tô;
- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp;
- Trình bày được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

❖ Kỹ năng

- Đọc được bản vẽ về kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các sơ đồ mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển; đọc được các ký hiệu phân loại của các linh kiện, chi tiết, bộ phận trên ô tô; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Lựa chọn đúng, sử dụng thành thạo và bảo dưỡng, bảo quản được các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- Chẩn đoán và phát hiện chính xác và đầy đủ các sai hỏng trong các cụm chi tiết, các hệ thống của ô tô;

- Kiểm tra được những sai hỏng của các cụm chi tiết, bộ phận và hệ thống trong ô tô; - Lập được quy trình tháo, lắp các chi tiết, bộ phận, hệ thống của ô tô;

- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng lỗi kỹ thuật và từng loại ô tô;

- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm, đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn lao động;

- Tổ chức và quản lý được quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;

- Thực hiện tốt các nội dung 5S;

- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;

- Tiếp nhận và chuyển giao được các công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;

- Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh công nghiệp;

- Có khả năng đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, tương đương 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

❖ Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;

- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;

- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

3.1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;
- Sửa chữa gầm ô tô;
- Sửa chữa điện và điều hòa ô tô;
- Bảo dưỡng ô tô điện
- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô;
- Kiểm định ô tô;
- Quản lý bộ phận chăm sóc khách hàng ở các đại lý bán, bảo hành ô tô;
- Quản lý gara ô tô, trung tâm bảo hành sửa chữa ô tô.

3.2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 20
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2471/85 (giờ/ tín chỉ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435/19 (giờ/ tín chỉ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2036/66 (giờ/ tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 667 giờ; Thực hành, thực tập: 1717 giờ

3.3. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Tự rèn luyện sức khỏe
2	NLCB-02	Khả năng hiểu biết chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh
3	NLCB-03	Tiếng Anh bậc 2/6
4	NLCB-04	Sử dụng tin học cơ bản
5	NLCB-05	Phối hợp làm việc theo nhóm hiệu quả
6	NLCB-06	Giải quyết vấn đề
7	NLCB-07	Sơ cứu người bị nạn
8	NLCB-08	Tự học tập nâng cao trình độ

9	NLCB-09	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
10	NLCL-01	Áp dụng các quy định về An toàn lao động và vệ sinh lao động
11	NLCL-02	Sử dụng các dụng cụ trong nghề công nghệ ô tô
12	NLCL-03	Gia công các chi tiết cơ khí cơ bản
13	NLCL-04	Bảo dưỡng động cơ đốt trong
14	NLCL-05	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ đốt trong
15	NLCL-06	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống truyền lực
16	NLCL-07	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phanh
17	NLCL-08	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống treo, lái
18	NLCL-09	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện ô tô
19	NLCL-10	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô
20	NLCL-11	Sửa chữa cơ khí động cơ
21	NLCL-12	Bảo dưỡng trang bị tiện nghi và an toàn ô tô
22	NLCL-13	Thực hành lái xe ô tô
23	NLCL-14	Kỹ thuật chung về ô tô điện
24	NLCL-15	Làm việc tại cơ sở sản xuất
III	Năng lực nâng cao	
25	NLNC-02	Kiểm tra, chẩn đoán hệ thống điện tử điều khiển động cơ
26	NLNC-03	Kiểm tra, chẩn đoán hệ thống điện tử điều khiển truyền động

3.4. Nội dung chương trình

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23

MH 01	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	66	2036	510	1462	64
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	6	156	45	105	6
MĐ 07	Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên	2	36	10	24	2
MĐ 08	Gia công cơ khí bằng dụng cụ cầm tay	4	120	35	81	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	56	1790	435	1300	55
MĐ 09	Bảo dưỡng động cơ đốt trong	6	180	55	119	6
MĐ 10	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ đốt trong	5	150	45	100	5
MĐ 11	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống truyền lực	3	90	30	57	3
MĐ 12	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phanh	4	120	35	81	4
MĐ 13	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống treo, lái	3	90	30	57	3
MĐ 14	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện ô tô	7	200	45	149	6
MĐ 15	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	3	90	30	57	3
MĐ 16	Sửa chữa cơ khí động cơ đốt trong	5	150	45	100	5
MĐ 17	Bảo dưỡng trang bị tiện nghi và an toàn ô tô	4	120	35	81	4
MĐ 18	Kiểm tra, chẩn đoán hệ thống điện tử ô tô	8	200	65	127	8
MĐ 19	Thực tập nghề nghiệp	8	400	20	372	8
II.3	Môn học, mô đun tự chọn nâng cao (chọn 1 trong 2 mô đun)	4	90	30	57	3

MĐ 20	Thực hành lái xe	4	90	30	57	3
MĐ 21	Kỹ thuật chung về ô tô điện	4	90	30	57	3
Tổng cộng		85	2471	667	1717	87

3.5. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

3.5.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc: Đối với 6 môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội.

3.5.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo: Thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

3.5.3. Hướng dẫn kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút; kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

- Kiểm tra thường xuyên, định kỳ bằng hình thức trực tuyến do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học;

- Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho mỗi môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định của hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học, mô-đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

3.5.4. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun:

- Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện tại trường, phân hiệu, địa điểm đào tạo của trường; đơn vị liên kết đào tạo hoặc tại doanh nghiệp; được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện cho việc tổ chức thi.

- Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, mô-đun hoặc cuối mỗi học kỳ.

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Thời gian làm bài thi đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian thi với các môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo hoặc thời gian thi trực tuyến do hiệu trưởng quyết định.

- Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin.

3.5.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp và có đủ điều kiện theo quy định trong quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp thì sẽ được dự thi tốt nghiệp hoặc làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết nghề; Thực hành nghề.

+ Trường hợp học sinh được chọn làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp thì không phải thi các nội dung: Lý thuyết nghề; Thực hành nghề.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tích lũy tín chỉ: Kết thúc khóa học, hoặc khi người học tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ theo quy định trong chương trình, hiệu trưởng thành lập hội đồng xét tốt nghiệp cho người học.

3.5.6. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Các hoạt động ngoại khóa bao gồm:

+ Tham quan, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để tìm hiểu, định hướng về nghề nghiệp, việc làm sau khi tốt nghiệp.

+ Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh;

+ Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị bạn.... do Nhà trường, đoàn trường, hội HSSV tổ chức

- Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

3.5.7. Các chú ý khác:

- Trình tự giảng dạy các môn học, mô đun đào tạo phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, nhà trường cần quy định các môn học, mô đun đào tạo tiên quyết của môn học, mô đun đào tạo kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Yêu cầu thực hiện, số lượng và hình thức bài tập (nếu có) của các môn học, mô đun đào tạo do giáo viên quy định, nhằm giúp người học nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu của người lao động.

- Trong chương trình này, các môn học, mô đun đều được đặt tên theo mức độ phổ thông nhằm tạo điều kiện cho học sinh, học sinh có thể tiếp tục theo học liên thông để nâng cao trình độ sau này khi ra trường.

- Các mô đun chuyên môn có thể giảng dạy tại trường hoặc kết hợp với các công ty, doanh nghiệp để giảng dạy và thực tập cho phù hợp.

- Các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo được áp dụng linh hoạt theo hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến kết hợp với trực tiếp hoặc trực tuyến toàn phần tùy theo điều kiện và hoàn cảnh thực tế của trường, do hiệu trưởng quyết định.

- Quy định về đơn vị thời gian và quy đổi thời gian như sau: Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

3.6. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Khoa Cơ giới có hệ thống phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng chuyên môn hóa đảm bảo yêu cầu đào tạo cho các ngành nghề ở 3 cấp trình độ mà nhà trường đã đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp. So với lưu lượng học sinh học nghề Công nghệ ô tô khoảng gần 500 HSSV/năm thì hệ thống các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành và các phòng chuyên môn hóa đáp ứng được các hoạt động đào tạo của khoa:

- Hệ thống phòng học lý thuyết: học theo kế hoạch chung của trường. Các phòng học có diện tích từ 60 m² trở lên.
- Hệ thống xưởng thực hành gồm 11 xưởng; tại 02 cơ sở
- + Cơ sở Hồ Nai 3: 07 xưởng với diện tích 72 m²/xưởng trở lên.
- + Cơ sở Thiện Tâm: 04 xưởng với diện tích 135 m²/xưởng trở lên.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ công văn số 1690/TCDN-KĐCL ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc hướng dẫn đánh giá đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2018.

- Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Về tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng: Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định: thực hiện theo công văn số 454/TCGDNN - KĐCL ngày 23/03/2019 của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp mà Bộ LĐTBXH yêu cầu, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã nghiêm túc thực hiện công việc. Đây là dịp Nhà trường cũng như khoa Cơ giới tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo một bộ tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả kiểm định, toàn thể cán bộ, giáo viên trong Khoa sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng của chương trình đào tạo, cũng như phát hiện những điểm mạnh, những điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi nói chung, khoa Cơ giới nói riêng trở thành cơ sở dạy nghề chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

Kết quả tự đánh giá lần này là cơ sở để Trường xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động nhằm mục đích cải thiện chất lượng đào tạo, chuẩn hóa và từng bước đưa chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô tiến tới gần trình độ các nước trong khu vực Asean và quốc tế.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá:

- Thực hiện đúng các quy định của TCGDNN và Bộ LĐTBXH đã ban hành.

- Đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

- Nội dung nhất quán giữa các phần của báo cáo. Các thông tin, phân tích đánh giá cần rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Các nội dung đánh giá có dẫn minh chứng phù hợp để chứng minh.

- Thực hiện công tác Tự đánh giá một cách công khai, dân chủ, thu thập minh chứng từ nhiều nguồn, bằng nhiều phương pháp, đảm bảo tính trung thực, đảm bảo đúng thời gian, kế hoạch đề ra.

1.4. Phương pháp tự đánh giá:

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH để thu thập minh chứng.

Phân tích kết quả từ các minh chứng: Thư ký và các nhóm chuyên trách tổng hợp kết quả từ các minh chứng, phân loại các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định, lập báo cáo cho các tiêu chí.

Thư ký hội đồng tổng hợp kết quả từ các báo cáo phân tích tiêu chí, tiêu chuẩn do các đơn vị và nhóm chuyên trách cung cấp để lập dự thảo báo cáo tự đánh giá. Ban thư ký họp thông qua dự thảo báo cáo. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình hội đồng tự đánh giá xem xét.

Lấy ý kiến phản biện và ý kiến bổ sung: Hội đồng tự đánh giá trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi các đơn vị, tổ chức trong toàn trường lấy ý kiến phản biện. Ban thư ký thu thập ý kiến của các phản biện và ý kiến của Hiệu trưởng để hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện quy trình tự đánh giá theo mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng Tự đánh giá.
- Thành lập các nhóm chuyên trách.
- Tổ chức tập huấn cho các thành viên trực tiếp làm nhiệm vụ.
- Các nhóm chuyên trách phối hợp với các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, phân tích và xử lý minh chứng theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá từng tiêu chuẩn kiểm định, viết báo cáo tự đánh giá theo đơn vị và gửi về Hội đồng tự đánh giá trường, các nhóm chuyên trách sẽ tổng hợp theo từng tiêu chí tiêu chuẩn mình phụ trách và Ban thư ký tổng hợp viết Báo cáo Tự đánh giá trình Hội đồng và lấy ý kiến tham khảo trong toàn trường. Sau giai đoạn này các nhóm chuyên trách tiếp tục bổ sung một số minh chứng được các đơn vị trong trường cung cấp thêm.

- Thư ký hội đồng hoàn thành Báo cáo Tự đánh giá trình Hiệu trưởng ký và báo cáo về TCGDNN.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

Mẫu 4.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

TT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN về chương trình đào tạo
	Đề xuất kết quả		
	Tổng điểm	100	98
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt trên 80% chỉ tiêu theo kế hoạch tuyển sinh của Trường.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo tiến độ đã được phê duyệt.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác,	2	Đạt

	năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập phù hợp với ngành nghề đào tạo tại đơn vị sử dụng lao động trước khi tốt nghiệp	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định	2	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo qui định	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỷ lệ số người học/lớp và tỉ lệ qui đổi người học/nhà giáo theo qui định	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2.	Đạt

	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
	2. Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	Đạt

	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
	10. Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	Chưa đạt
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	Đạt

	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu	2	Đạt

	10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	Đạt

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy Lợi là cơ sở dạy nghề công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT và chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Tổng cục GDNN - Bộ Lao động Thương binh - Xã hội. Trong những năm qua, mục tiêu và sứ mạng của trường luôn được xác định một cách rõ ràng, cụ thể và được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt, được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng như website, fanpage và các phương tiện thông tin truyền thông.

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường và nhu cầu của thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát chỉnh sửa theo quy định.

Trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, có quy chế hoạt động minh bạch. Khoa Cơ giới được phân công nhiệm vụ rõ ràng; có quy định tuyển dụng chặt chẽ; công tác quy hoạch cán bộ quản lý, phát triển đội ngũ giáo viên... được thực hiện có kế hoạch và phù hợp với từng giai đoạn. Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên của trường vững mạnh và có vai trò tích cực trong hoạt động của trường.

Hàng năm, Nhà trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô.

❖ Những điểm mạnh

- Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi có đầy đủ các quyết định thành lập, trường được giao nhiệm vụ cụ thể phù hợp với từng giai đoạn phát triển và phù hợp với mục tiêu của ngành cũng như của tỉnh Đồng Nai. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt. Hàng năm trường đều rà soát các mục tiêu cụ thể, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới, hướng tới xây dựng Nhà trường thành nơi đào tạo chất lượng cao đa ngành, đa cấp trình độ, mô hình đào tạo nghề xanh, đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp, tiếp cận trình độ đào tạo các nước ASEAN-4, các nước phát triển trong nhóm G20 theo Quyết định số 1778/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/04/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Mục tiêu của trường được xây dựng và thảo luận rộng rãi trong các đơn vị; khi hoàn thành được công bố trước toàn thể cán bộ, giáo viên, viên chức, người lao động và được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm.

- Nghề Công nghệ ô tô tại Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi là nghề trọng điểm quốc tế. Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô phù hợp mục tiêu chung của Nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

- Khoa Cơ giới là khoa trọng điểm của trường với đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn. Khoa nhiều năm liên tục được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; đã được các cấp lãnh đạo tặng nhiều bằng khen, giấy khen cho tập thể và cá nhân.

- Hàng năm, Nhà trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một HSSV/năm, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

❖ **Những tồn tại:**

- Việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo hàng năm đôi khi chưa bắt kịp với sự phát triển khoa học kỹ thuật của thực tiễn. Nhiệm vụ và mục tiêu phát triển Nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, bất cập do thiếu kinh phí thực hiện.

❖ **Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Định kỳ hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo để có biện pháp điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của giảng viên, nhân viên, HSSV và các doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đẩy mạnh thực hiện phương thức đào tạo hợp tác với doanh nghiệp, nghiên cứu, lựa chọn các modul thực hành để tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp nhằm tiết kiệm mua sắm vật tư, trang thiết bị; đồng thời để HSSV sớm tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, cập nhật quy trình công nghệ, rèn luyện được các kỹ năng cần thiết trong môi trường công nghiệp hiện đại.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường được xây dựng theo đúng quy định tại thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động – Thương binh xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo được xây dựng xuất phát từ mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Trường và nhu cầu của thị trường lao động. *(1.1.01 - Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 1.1.02 - Quyết định số 244/QĐ-CG< ngày 20/07/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình*

độ trung cấp, cao đẳng; 1.1.03. Báo cáo nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022, 2023, 2024)

Quyết định số 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, nhiệm vụ của Nhà trường được quy định cụ thể như sau:

1. “Tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp và quy định của pháp luật.
2. Thực hiện hợp tác quốc tế; liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện các hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh; tư vấn đào tạo, tư vấn việc làm theo quy định của pháp luật”.

Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đến năm 2030 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt theo Quyết định số 1778/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/04/2021 đã khẳng định sứ mạng của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi “Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, có năng lực đào tạo chất lượng cao đa ngành, đa cấp trình độ, mô hình đào tạo nghề xanh, đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp, tiếp cận trình độ đào tạo các nước ASEAN-4, các nước phát triển trong nhóm G20. Thực hiện nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ kỹ thuật trong giảng dạy và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp và PTNT, phát triển kinh tế xã hội địa phương và vùng Đông Nam Bộ; vận hành hệ thống quản trị hiện đại, thúc đẩy phát triển nâng cao năng lực tự chủ và hoạt động hiệu quả”.

“Giai đoạn 2021 – 2025, trở thành trường cao đẳng chất lượng cao, đào tạo đa ngành, đa cấp trình độ chất lượng cao; đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Là nơi gắn kết, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh và thích ứng với thị trường lao động. Đẩy mạnh đào tạo nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực trọng điểm về cơ khí, điện - điện tử, cơ giới;”

Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030 cũng đã ghi rõ mục tiêu của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi giai đoạn 2021 – 2025 là “Phát triển 08 nghề trọng điểm, chất lượng cao theo tiêu chuẩn các nước trong nhóm G20, trình độ các nước ASEAN-4 về các lĩnh vực: Cắt gọt kim loại; Công nghệ ô tô; Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Vận hành máy thi công nền ...”

1.1.04 - Quyết định 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy Lợi; 1.1.05 – Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đến năm 2030)

Như vậy có thể khẳng định Nghề Công nghệ ô tô là nghề trọng điểm quốc tế, nghề chất lượng cao của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi. Mục tiêu của

chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường.

(1.1.01 - Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 1.1.02. Quyết định số 244/QĐ-CG< ngày 20/07/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 1.1.06 - Quyết định số 1836/QĐ-LĐTĐ ngày 27/11/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025).

Ngày 28/05/2020 Thủ tướng chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg về việc đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Kế hoạch số 198/KH/TU ngày 10/08/2018 của Tỉnh Ủy Đồng Nai với định hướng đến năm 2030 cũng nêu rõ: “Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp: Cơ khí chế tạo, ô tô, máy nông nghiệp, thiết bị công trình, thiết bị điện tử, công nghiệp điện tử và công nghiệp hỗ trợ...trong đó phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên theo định hướng tích hợp thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác”. Đồng Nai là một trong 8 tỉnh, thành phố thuộc vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam. Đây là một trong những khu vực kinh tế phát triển nhất cả nước, nhu cầu thị trường lao động rất lớn, đặc biệt là lao động có tay nghề. Chính vì vậy, việc phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành công nghiệp mũi nhọn như cơ khí, cơ giới, điện – điện tử, logistics...là một nhu cầu tất yếu.

Theo báo cáo của Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm về nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022, 2023, 2024: các nghề có nhu cầu tuyển dụng cao nhất thuộc các lĩnh vực cơ khí, điện, công nghệ ô tô, vận tải...*(1.1.03: Báo cáo nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022, 2023, 2024).*

Như vậy, đối chiếu với mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, thấy rằng: mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô phù hợp, đáp ứng với điều kiện thực tế và yêu cầu sử dụng lao động của tỉnh nhà.

Năm 2022, Tỉnh Đồng Nai giao chỉ tiêu đào tạo nghề cho Trường và ký kết hợp đồng đào tạo nghề cho học sinh Đồng Nai. Qua đó chứng tỏ rằng: Mục tiêu, nhiệm vụ của trường nói chung và nghề Công nghệ ô tô nói riêng phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu sử dụng lao động của địa phương, ngành. *(1.1.07 -Hợp đồng đào tạo với Sở Lao động TBXH Đồng Nai năm 2022).*

Qua báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2024 của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, nhu cầu sử dụng lao động có chuyên môn kỹ thuật của doanh nghiệp là 75.6%. Trong đó, phần lớn các doanh nghiệp đều hài lòng về trình độ của sinh viên Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi sau khi tốt nghiệp. Các doanh nghiệp đến trường để tuyển dụng sinh viên hoặc gửi các tờ rơi, thông báo tuyển dụng của công ty đối với học sinh học nghề Công nghệ ô tô. *(1.1.08 - Các thông*

báo tuyên dụng của Doanh nghiệp; 1.1.09 - Báo cáo khảo sát doanh nghiệp năm 2022).

Như vậy, bộ Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi được công bố rộng rãi trên Website <http://vcmi.edu.vn>, trên các poster, trang thông tin tư vấn tuyển sinh của Nhà trường, được phổ biến đến HSSV thông qua các buổi sinh hoạt lớp, học tập chính trị đầu khóa... *(1.1.10 - Website <http://vcmi.edu.vn>; 1.1.11 - Poster của trường Cao đẳng Cơ giới và thủy lợi)*

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, Khoa Cơ giới và Nhà trường đã thực hiện rà soát và đổi mới chương trình đào tạo để phù hợp với sự thay đổi của thị trường lao động và mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường. Theo đó, năm 2022 Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã ban hành bộ Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô và đưa vào giảng dạy năm 2022, 2023, 2024. Với sự hỗ trợ của Tổ chức Hợp tác Quốc tế GIZ, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, hàng năm Nhà trường lên kế hoạch tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến, nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động, cựu học sinh về chất lượng đào tạo của nhà trường qua các hình thức như khảo sát lấy ý kiến, phỏng vấn ... Trường đã nhận được ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, cựu học sinh, sinh viên và tiến hành phân tích, tiếp thu đưa vào nội dung sửa đổi chương trình. Đồng thời, trong chiến lược phát triển trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đến năm 2030, mục tiêu của Nhà trường đã có sự thay đổi là xây dựng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi trở thành “trường chất lượng cao hàng đầu trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam. Phân đấu đến năm 2030 trở thành “Trung tâm giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề xanh chất lượng cao.” “Là trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, xanh hóa môi trường.” Vì vậy, đến năm 2022 Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã ký Quyết định ban hành bộ Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô để phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường và nhu cầu xã hội. *(1.1.01 - Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 1.1.02. Quyết định số 244/QĐ-CG< ngày 20/07/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 1.1.12 - Báo cáo khảo sát các bên liên quan).*

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quyết định số 4228/QĐ-BNN-TCCB quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi. Căn cứ công văn này Nhà trường Ban hành Quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm của từng đơn vị trong trường.

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được xác định rõ ràng về quyền tự chủ, cơ cấu tổ chức bộ máy, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị.

Theo đó, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã ban hành Quyết định số 669/QĐ-CG&TL ngày 15/11/2018 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Cơ giới. Theo đó, khoa Cơ giới có nhiệm vụ tổ chức quản lý, thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập của các nghề: Công nghệ ô tô, xếp dỡ cơ giới tổng hợp, vận hành máy thi công nền. Xây dựng và tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của nhà trường... *(1.1.04-Quyết định số 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/10/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi; 1.2.01-Quyết định số 669/QĐ-CG&TL ngày 15/11/2018 qui định chức năng, nhiệm vụ Khoa Cơ giới; Quyết định thành lập khoa cơ giới).*

Trong 3 năm qua, Khoa Cơ giới đã hoàn hành tốt nhiệm vụ đề ra đối với chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô như: Tỷ lệ tuyển mới nghề Công nghệ ô tô từ năm 2022 đến năm 2024 luôn hoàn thành và hoàn thành vượt chỉ tiêu đề ra, cụ thể như sau:

Năm	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Chỉ tiêu tuyển sinh	140	160	160	
Kết quả tuyển sinh	144	172	168	
Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu đề ra	102%	107%	105%	

Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp và có việc làm luôn ở mức cao:

Năm	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Tỷ lệ HSSV đạt tốt nghiệp	94.5%	96.9%	96.6%	
Tỷ lệ HSSV tốt nghiệp có việc làm	90.2%	96.2%	96.1%	

(1.2.02 - Báo cáo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024; 1.2.03 - Báo cáo tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024.; 1.2.04 - Quyết định mở lớp nghề Công nghệ ô tô năm 2022, 2023, 2024).

Đội ngũ cán bộ, giáo viên Khoa Cơ giới có trình độ cao, một số giáo viên được đào tạo bồi dưỡng nâng cao tại nước ngoài (CHLB Đức, Australia), nhiệt tình trong công việc. Khoa có nhiều sinh viên đạt thành tích cao tại Hội thi tay nghề cấp

Bộ, cấp Tỉnh; nhiều giáo viên đạt thành tích cao tại các kỳ Hội giảng. Cụ thể như sau:

Năm	Thành tích đạt được của Khoa Cơ giới
2022	<ul style="list-style-type: none"> + Đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2022 + Tập thể được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen + Có 02 giáo viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở + 01 cá nhân được Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. + 02 cá nhân được Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi tặng Giấy khen + 01 Cá nhân được Sở Lao động TBXH Đồng Nai tặng Giấy khen
2023	<ul style="list-style-type: none"> + Đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2023 + Tập thể được Ủy ban ND tỉnh Đồng Nai tặng Bằng khen + Có 02 giáo viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở + 01 cá nhân được Bộ Trưởng bộ Nông nghiệp và PTNT tặng Bằng khen + 04 giáo viên được Hiệu trưởng nhà trường tặng giấy khen + 01 giáo viên được Sở Lao động TBXH Đồng Nai tặng giấy khen
2024	<ul style="list-style-type: none"> + Đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến năm 2024 + Có 02 giáo viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở + 01 giáo viên được Hiệu trưởng nhà trường tặng giấy khen

Với những thành tích đã đạt được, Khoa Cơ giới nhiều năm liên tục được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; đã được các cấp lãnh đạo tặng nhiều bằng khen, giấy khen cho tập thể và cá nhân của Khoa. Cụ thể như sau:

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2022	Tập thể lao động xuất sắc năm học 2021 - 2022	Quyết định số 385/TB-CG&TL ngày 30/06/2022, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi
2023	Tập thể lao động xuất sắc năm học 2022 - 2023	Quyết định số 497/QĐ-CG&TL ngày 04/07/2023, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi

2024	Tập thể lao tiên tiến năm học 2023 - 2024	Quyết định số 471/QĐ-CG&TL ngày 15/07/2024, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi
------	---	---

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định	Tập thể/Cá nhân
2022	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, đã có thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục và đào tạo, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc	Quyết định số 220/QĐ - TTg ký ngày 17/02/2022	- Tập thể Khoa Cơ giới
	Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã có thành tích xuất sắc trong năm học 2021 - 2022 góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Quyết định số 2210/QĐ - UBND ký ngày 24/08/2022	- Ông Đỗ Cao Nguyên - TK Cơ giới
	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã có thành tích xuất sắc năm học 2021 - 2022	Quyết định số 236/QĐ - CG & TL ngày 11/7/2022	- Ông Nguyễn Xuân Thắm - PTK Cơ giới

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định	Tập thể/Cá nhân
	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, đã đạt giải Ba trong Hội giảng cấp trường	Quyết định số 389/QĐ - CG & TL ngày 04/11/2022	- Ông Nguyễn Văn Hiếu – GV khoa Cơ giới
	Giấy khen của Sở Lao động Thương binh xã Hội Đồng Nai, đã có thành tích xuất sắc năm học 2021 - 2022	Quyết định số 461/QĐ - LĐTBXH ngày 28/12/2022	- Ông Phạm Xuân Huyền – GV khoa Cơ giới
	Danh hiệu “chiến sỹ thi đua cơ sở”	Quyết định số 234/QĐ - CG&TL ngày 11/7/2022	- Ông Đỗ Cao Nguyên -TK khoa Cơ giới - Ông Cao Văn Tuyên – GV Khoa Cơ giới
2023	Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2020 -2021 và 2021 - 2022	Quyết định số 1868/QĐ – BNN – TCCB ký ngày 15/05/2023 - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	+ Tập thể Khoa Cơ giới
	Bằng khen: “Đã có thành tích xuất sắc trong năm học 2022 - 2023 góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”	Quyết định số 1941/QĐ – UBND ký ngày 14/08/2023 - Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	+ Tập thể Khoa Cơ giới

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định	Tập thể/Cá nhân
	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, đã có thành tích xuất sắc năm học 2022 - 2023	Quyết định số 354/QĐ - CG & TL ngày 17/7/2023	- Ông Cao Văn Tuyền – GV khoa Cơ giới
	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, đã đạt giải Ba Hội thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS	Quyết định số 652/QĐ - CG & TL ngày 18/11/2023	- Ông Tôn Thất Hiếu, – GV khoa Cơ giới - Ông Nguyễn Văn Hiếu – GV khoa Cơ giới
	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, đã đạt giải Ba Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi năm 2023	Quyết định số 652/QĐ - CG & TL ngày 18/11/2023	- Ông Phan Thiên Đức, – GV khoa Cơ giới
	Danh hiệu “chiến sỹ thi đua cơ sở”	Quyết định số 355/QĐ - CG&TL ngày 17/7/2023	- Ông Đỗ Cao Nguyên - TK khoa Cơ giới - Ông Nguyễn Xuân Thắm - PTK Khoa Cơ giới
2024	Giấy khen của Sở Lao động Thương binh xã Hội Đồng Nai, đã có thành tích xuất sắc năm học 2022 - 2023	Quyết định số 50/QĐ - SLĐT BXH ngày 16/02/2024	- Ông Phan Thiên Đức – GV Khoa Cơ giới
	Danh hiệu “chiến sỹ thi đua cơ sở”	Quyết định số 311/QĐ - CG&TL ngày 25/07/2024	- Ông Nguyễn Xuân Thắm – PTK Cơ giới - Ông Phan Thiên

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định	Tập thể/Cá nhân
			Đức – GV khoa Cơ giới

(1.2.05 - Báo cáo tổng kết hoạt động Khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024; 1.2.06 - Các quyết định khen thưởng của tập thể, cá nhân cán bộ giáo viên khoa Cơ giới; 1.2.07 - Thông báo kết quả bình xét thi đua và hình thức khen thưởng năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024)

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Nguồn lực tài chính của trường được đảm bảo từ các nguồn sau:

- + Nguồn Ngân sách nhà nước do Bộ chủ quản cấp
- + Nguồn thu học phí, lệ phí, các hợp đồng đào tạo
- + Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh

(1.3.01-Quyết định giao dự toán thu chi NSNN năm 2021, 2022, 2023; 1.3.02 Quyết định mức thu học phí năm 2022, 2023, 2024; 1.1.07 - Hợp đồng đào tạo nghề với Sở LĐTĐXH Đồng Nai năm 2022; 1.3.03 - Hợp đồng đào tạo với các công ty, doanh nghiệp)

Dựa trên nguồn lực hiện có, nhà trường lập dự toán thu chi cho các hoạt động đào tạo nhằm đảm bảo công tác kiểm soát thu - chi một cách hiệu quả, hợp lý. Hàng năm, Nhà trường căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức vật tư đào tạo nghề Công nghệ ô tô, căn cứ vào quy chế HSSV để xây dựng định mức chi cho HSSV các lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô. *(1.3.04 - Quyết định số 63/QĐ-CG&TL ngày 10/02/2020 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho các nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; 1.3.05 - Quyết định ban hành định mức vật tư khoa Cơ giới; 1.3.06 - Qui chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024).*

Nhà trường định kỳ tiến hành thanh tra, kiểm tra và đánh giá nội bộ về các nguồn thu của trường nhằm đảm bảo kinh phí cho các hoạt động *(1.3.07-Bảng thống kê nguồn thu của trường)*. Đồng thời kiểm tra công tác đào tạo để xác định số lượng HSSV đang theo học nhằm đảm bảo kinh phí và chất lượng cho việc thực hiện chương trình đào tạo. *(1.3.08 - Biên bản, báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2022 – 2023; 2023 – 2024; 2024 - 2025).*

Về sử dụng kinh phí mua sắm vật tư, máy móc thiết bị. Hàng năm, Phòng Tổ chức hành chính là đơn vị phụ trách mua sắm đã thực hiện báo cáo đầy đủ, vật tư thiết bị sau khi được mua về đã bàn giao cho các đơn vị quản lý và cấp phát theo

đề nghị của giáo viên theo yêu cầu bài dạy, sau đó giáo viên bàn giao cho HSSV để sử dụng. (1.3.09 - Dự trữ vật tư khoa Cơ giới năm học 2021 – 2022; 2022 – 2023; 2023 – 2024; 1.3.10 - Giấy yêu cầu vật tư của khoa Cơ giới năm học 2021 – 2022; 2022 – 2023; 2023 – 2024; 1.3.11 - Phiếu xuất, nhập kho của khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024; 1.3.12 - Sổ theo dõi cấp phát – thu nhận vật tư, dụng cụ của khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024).

2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng kế hoạch, chất lượng đào tạo được nâng cao, bảo đảm đáp ứng với yêu cầu thực tế. Kế hoạch đào tạo được Nhà trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất.

Trường có nhiều loại hình đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo như: đào tạo chính quy, ngoài giờ, đào tạo ngắn hạn, chuyên đề, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, đào tạo theo mô đun, đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp nhằm đáp ứng được yêu cầu học tập của người học.

Công tác tổ chức thi kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, công nhận tốt nghiệp của người học nghề đúng quy định, đảm bảo công bằng, khách quan.

Công tác tuyển sinh của trường thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ LĐTB-XH. Trường đã có những văn bản quy định cụ thể và tổ chức tư vấn học nghề hiệu quả đảm bảo tuyển sinh đủ số lượng và có chất lượng.

❖ Những điểm mạnh:

- Hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, đúng chương trình và kế hoạch đào tạo. Phương thức đào tạo của trường đa dạng, đáp ứng được các yêu cầu của người học nghề.

- Phương pháp đào tạo phù hợp với CTĐT, chú trọng rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên, phát huy tính chủ động, sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc nhóm....

- Sinh viên tốt nghiệp được xã hội công nhận, các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao.

- Trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh hàng năm, đảm bảo nghiêm túc, công bằng và khách quan theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng cục GDNN, đảm bảo được chỉ tiêu hàng năm với chất lượng thí sinh đầu vào cao.

❖ Những tồn tại:

- Số lượng các doanh nghiệp được trường mời tham gia vào quá trình đào tạo chưa được nhiều và chủ yếu tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

❖ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trường sẽ tiếp tục tăng cường liên kết với nhiều doanh nghiệp ở nhiều lĩnh

vực hoạt động và huy động doanh nghiệp tham gia vào nhiều lĩnh vực đang đào tạo tại trường.

- Cần đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ giáo viên Nhà trường.

- Tiếp tục tăng cường việc giám sát chặt chẽ, bảo đảm thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và có hiệu quả.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch cơ sở đào tạo

Thương hiệu và chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã được người học và xã hội khẳng định, vì vậy công tác tuyển sinh của trường gặp nhiều thuận lợi. Số lượng thí sinh xét tuyển vào trường hàng năm luôn ổn định, đảm bảo chất lượng đầu vào và hoàn thành chỉ tiêu được giao.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi được ghi rõ trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 35/2018/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung số 35a/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN và đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp phép hoạt động.

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi xây dựng quy chế tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng áp dụng cho các đối tượng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT hoặc tương đương dựa trên Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/07/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trong Quy chế tuyển sinh

học nghề Nhà trường quy định cụ thể phương thức và tiêu chí, hình thức tuyển sinh. Bên cạnh đó, Trường cũng xây dựng quy trình tuyển sinh gồm 12 bước và các biểu mẫu để áp dụng trong công tác tuyển sinh của trường nhằm đi đến sự thống nhất và hiệu quả. **(2.1.01-Quy chế tuyển sinh năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024;2024 - 2025; 2.1.02 - Quy trình tuyển sinh)**

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh. Căn cứ vào thực tế hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp; Căn cứ Quyết định về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Quyết định giao chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi; Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thông báo tuyển sinh .v.v. **(2.1.03-Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp &PTNT năm 2022, 2023, 2024; 2.1.04-Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của UBND tỉnh Đồng Nai năm 2022, 2023, 2024; 2.1.05-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024; 2.1.06-Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành nghề đào tạo năm 2022, 2023, 2024 ; 2.1.07-Kế hoạch tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024).**

Trung tâm tư vấn tuyển sinh và hỗ trợ việc làm là đơn vị trực tiếp phụ trách công tác tuyển sinh. Trung tâm ra thông báo tuyển sinh và niêm yết công khai tại trường, các phương tiện truyền thông và phát đến tận tay phụ huynh và học sinh, sinh viên. **(2.1.08-Thông báo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024; 2.1.09-Các tờ rơi tuyển sinh; 1.1.10- Trang web <http://vcmi.edu.vn>...)**

Công tác tuyển sinh của Trường được tiến hành theo hình thức xét tuyển dựa trên các tiêu chí cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đầu vào của HSSV. Danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai tại trường, trên fanpage của Trường và báo cáo các cấp có thẩm quyền **(2.1.10-Biên bản họp Hội đồng xét tuyển và danh sách trúng tuyển năm 2022, 2023, 2024 ; 1.2.02 -Báo cáo tuyển sinh các năm 2022, 2023, 2024).**

Học sinh trúng tuyển nhận Giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện và nhập học theo thời gian quy định. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh sẽ họp để đánh giá, rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh. **(2.1.11- Giấy báo nhập học; 2.1.12-Một số hình ảnh về ngày nhập học; 1.2.04-Quyết định mở lớp nghề Công nghệ ô tô năm 2022, 2023, 2024; 2.1.13-Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2022, 2023, 2024; 2.1.11-Biên bản họp hội đồng xét tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024).**

Kết quả cho thấy công tác tuyển sinh diễn ra công khai, đối tượng tuyển sinh theo đúng quy định, khi xét tuyển đảm bảo tính công bằng, khách quan. Năm 2022, 2023, 2024 kết quả tuyển sinh nghề Công nghệ ô tô đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, cụ thể như sau:

Năm	Chỉ tiêu tuyển sinh	Kết quả tuyển sinh	Tỷ lệ	Ghi chú
2022	140	144	102%	

2023	160	172	107%	
2024	160	168	105%	

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo qui định

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã xác định hoạt động đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm. Ban Giám hiệu giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì kết hợp với Khoa Cơ giới xây dựng kế hoạch đào tạo cho nghề Công nghệ ô tô ngay từ đầu năm học. Kế hoạch đào tạo được xây dựng theo từng kỳ học và chi tiết cho từng modul/môn học. *(2.2.01-Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025; 2.2.02- Thời khóa biểu năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025)*

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo chung của Nhà trường, Khoa Cơ giới lên kế hoạch, phân công giáo viên giảng dạy các mô đun, môn học phù hợp. Giáo viên sẽ căn cứ vào nội dung, thời lượng quy định trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô để thực hiện giảng dạy theo sự phân công và đúng quy định *(2.2.03-Kế hoạch giáo viên năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025; 2.2.04-Lịch trình giảng dạy; 2.2.05-Giáo án giảng dạy; 2.2.06- Sổ tay giáo viên; 2.2.07- Sổ lên lớp)*

Công tác kiểm tra và giám sát đào tạo cũng là vấn đề được lãnh đạo Nhà trường hết sức quan tâm. Nhà trường đã ban hành quy trình Thanh kiểm tra công tác đào tạo để triển khai thực hiện hàng năm. Theo đó, phòng Khảo thí và KĐCL phối hợp với Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch và thực hiện thanh kiểm tra đào tạo; dự giờ, kiểm tra hồ sơ, sổ sách, giáo án bài giảng của giáo viên giảng dạy để đảm bảo chất lượng đào tạo luôn được duy trì một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng đào tạo và chất lượng giáo viên, ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy, Nhà trường lên kế hoạch và tổ chức các buổi hội giảng, sinh hoạt chuyên môn, tổ chức cuộc thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS hết sức bổ ích góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời, đánh giá chi tiết, cụ thể tới từng giáo viên về tác phong, công tác tổ chức đào tạo, quản lý lớp, giảng dạy theo kế hoạch... *(2.2.08 - Quy trình Thanh kiểm tra công tác đào tạo; 2.2.09 Bộ thanh kiểm tra hoạt động đào tạo và quy chế đào tạo năm học 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch thanh kiểm tra hoạt động đào tạo; Biên bản thanh kiểm tra hoạt động đào tạo; Biên bản kiểm tra quy chế đào tạo; Báo cáo thanh kiểm tra công tác đào tạo); 2.2.10 - Kế hoạch tổ chức thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS năm 2023; 2.2.11 Kế hoạch hội giảng năm 2022; 2.2.12 - Kết quả hội giảng năm 2022, 2023,).*

Để đào tạo chất lượng thì “học phải đi đôi với hành”, do đó nguyên vật liệu, vật tư thực tập luôn được Nhà trường chuẩn bị đầy đủ, kịp thời và đúng quy định *(2.2.13-Dự trữ vật tư thực tập; 2.2.14 - Hợp đồng cung cấp thiết bị; Thanh lý hợp đồng cung cấp thiết bị)*

Cuối mỗi năm học, Nhà trường tiến hành tổng kết năm học đánh giá mọi hoạt động của trường, từ đó đề ra phương hướng hành động phù hợp cho giai đoạn tiếp theo. Các báo cáo công tác đào tạo, các biên bản thanh tra đào tạo và báo cáo thanh tra đào tạo đều khẳng định: Kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng, hiệu quả *(2.2.15 - Báo cáo tổng kết năm 2022, 2023)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Nội dung chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, có đề cương chi tiết, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể được thiết kế một cách có hệ thống; trong đó quy định rõ khối lượng kiến thức và thời gian khóa học, tên modul/môn học, thời gian đào tạo (tỉ lệ phần lý thuyết, thực hành). Do đó để thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy với phương châm lấy người học là trung tâm; kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy học.

Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo chung của toàn trường, khoa Cơ giới đã lập kế hoạch giáo viên và phân công giáo viên giảng dạy. Các giáo viên khi lên lớp giảng dạy phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu giảng dạy bao gồm: đề cương bài giảng, giáo án, giáo trình, sổ tay giáo viên...*(2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo năm học 2022 – 2023; 2023 – 2024; 2024 - 2025; 2.2.03- Kế hoạch giáo viên năm học 2022 – 2023; 2023 – 2024; 2024 - 2025; 2.2.05 -Giáo án giảng dạy; 2.2.06 - Sổ tay giáo viên; 2.2.07 - Sổ lên lớp;...)*

Trong các kì hội giảng hàng năm, giáo viên được khuyến khích sử dụng các phương pháp dạy học giúp phát triển tư duy sáng tạo của người học *(2.3.01 - Kế hoạch hội giảng Khoa Cơ giới năm 2022; 2.3.02- Hồ sơ bài giảng; 2.3.03 - Phiếu đánh giá của Ban Giám khảo hội giảng cấp trường; 2.3.04 - Video, hình ảnh các tiết dạy của giáo viên)*. Năm 2023, ứng dụng chuyển đổi số trong dạy học, nhà trường đã tổ chức cho cán bộ, giáo viên thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS. Qua đó, giáo viên có cơ hội trao đổi kinh nghiệm, học tập và nâng cao nghiệp vụ sư phạm và phương pháp giảng dạy. Giảng viên khoa Cơ giới đã tham gia và đạt thành tích cao, được lãnh đạo nhà trường tuyên dương, khen thưởng . *(2.3.05 - Kế hoạch tổ chức thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS năm 2023; 2.3.06 - Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong cuộc thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS năm 2023. 2.3.07 - Quyết định khen thưởng giáo viên đạt thành tích cao trong các kỳ Hội giảng)*.

Để áp dụng phương pháp dạy học hiện đại Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị hiện đại hỗ trợ cho quá trình lên lớp. Một số phương pháp dạy học nhằm nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học nghề đang được giáo viên khoa Cơ giới áp dụng như: phương pháp công não, ABC, phân nhóm, giảng dạy trên mô hình, làm đề tài, semina ... các phương pháp dạy học đó đã giúp học sinh chủ động hơn, tự tin hơn, phát triển năng lực tự học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Nhiều HSSV đã phát huy được tính sáng tạo, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp **(2.3.08 - Danh sách và quyết định khen thưởng HSSV tham gia các kỳ thi tay nghề giỏi các cấp)**

Đến nay, 100% giáo viên nghề Công nghệ ô tô có chứng chỉ Tin học cơ bản trở lên và đều soạn bài bằng máy vi tính; 100% giáo viên biết sử dụng kỹ thuật trình chiếu hỗ trợ giảng dạy, sử dụng các phần mềm dạy học. Từ năm 2022, được sự hỗ trợ của tổ chức hợp tác quốc tế Đức – GIZ, Nhà trường đã và thực hiện áp dụng các nền tảng chuyển đổi số trong công tác đào tạo như nền tảng dạy học trực tuyến LMS, nền tảng quản lý đào tạo Smart TMS và nền tảng tài nguyên giáo dục nghề nghiệp mở OVERT. Nhà trường đã xây dựng, triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT trong toàn trường và bước đầu thu được một số kết quả nhất định; việc bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, các kỹ năng ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, giáo viên được quan tâm. **(2.3.09 - Các kế hoạch triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong công tác đào tạo; 2.3.10- Bài giảng điện tử; 2.3.11 -Phần mềm dạy học; 2.3.12- Phần mềm quản trị số; 2.3.13- Nền tảng dạy học trực tuyến LMS).**

Hàng năm, các hoạt động thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên và học tập của HSSV được triển khai tích cực góp phần đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong trường. Thông qua đó khoa Cơ giới đã tổng kết đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, từ đó đặt ra phương hướng hành động phù hợp cho giai đoạn tiếp theo **(2.2.09 - Bộ thanh kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2022, 2023, 2024; 2.3.07- Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong các kỳ hội giảng các cấp; 1.2.05 - Báo cáo tổng kết hoạt động của khoa Cơ giới năm 2022, 2023)**

Để đảm bảo thông tin có tính nhất quán và toàn vẹn dữ liệu, dữ liệu có thể được truy xuất theo nhiều cách khác nhau và nhiều người có thể sử dụng, nhà trường đã xây dựng phần mềm quản lý đào tạo CSSTrain từ năm 2015 và được nâng cấp hàng năm do công ty phần mềm ChipChip thực hiện; cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động đào tạo và quản lý chương trình đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn dữ liệu. Trong đó, thể hiện rõ các thông tin cần thiết như kết quả học tập, thông tin HSSV...**(2.3.14 - Phần mềm quản lý đào tạo CSSTrain; 2.3.15 - Hợp đồng nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo CSSTrain hàng năm)**

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học, hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của doanh nghiệp, cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh - sinh viên về chất lượng đào tạo của nhà trường. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Nhà trường tổng hợp, đánh giá kết quả và tổng hợp, đánh giá các đề xuất để điều chỉnh tiến độ, kế hoạch đào tạo...nhằm đáp ứng và nâng cao chất lượng dạy và học. **(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022,**

2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); **2.3.17** - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024); **2.3.18** - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024); **2.3.19** - Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023 (Gồm: Kế hoạch khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Báo cáo kết quả khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo

Đào tạo kết hợp với doanh nghiệp là một trong những nội dung trọng tâm được Nhà trường quan tâm và triển khai có hiệu quả nhằm nâng chất lượng đào tạo, giúp HSSV được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế.

Nhà trường đã thực hiện hợp tác với các doanh nghiệp để đưa HSSV đến thực hành các mô đun nghề theo chương trình môn học, đặc biệt là các mô đun thực tập doanh nghiệp đối với HSSV năm cuối. Việc đào tạo tại doanh nghiệp trên được Nhà trường triển khai bằng các kế hoạch đào tạo, bằng các thỏa thuận/ hợp đồng tiếp nhận HSSV đến thực tập với nội dung cụ thể. Hiện nay, khoa Cơ giới nói riêng đang hợp tác và có thỏa thuận với trên 15 doanh nghiệp trên địa bàn các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương... để phối hợp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành thực tập tại doanh nghiệp.

Theo tiến độ đào tạo, Hiệu trưởng nhà trường ban hành quyết định cử HSSV, giáo viên đi thực tập tại doanh nghiệp (có danh sách kèm theo)...100% HSSV các nghề nói chung và nghề Công nghệ ô tô nói riêng được thực hành thực tập tại doanh nghiệp. Nội dung thực tập được xác định cụ thể trong chương trình đào tạo (**2.4.01 - Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022; 2024; 2.4.02 - Đề cương chi tiết học phần Thực tập tốt nghiệp**). Sau mỗi kỳ thực hành tại doanh nghiệp HSSV phải thực hiện báo cáo kết quả thực tập tại doanh nghiệp. Đồng thời doanh nghiệp thực hiện đánh giá quá trình thực tập đối với cá nhân HSSV. (**2.4.03 - Thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp; 2.4.04- Quyết định cử HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp; 2.4.05 - Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập tại doanh nghiệp. 2.4.06- Báo cáo kết quả thực tập của HSSV tại các doanh nghiệp; 2.4.07 - Phiếu đánh giá quá trình thực tập của HSSV tại doanh nghiệp; 2.4.08 - Danh sách người học tốt nghiệp**).

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo qui định

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã ban hành đầy đủ các văn bản, quy chế, quy định về việc tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ, xét tốt nghiệp cho người học.

Căn cứ thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ, Trường đã ban hành các quy định và hướng dẫn cụ thể về việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề (*2.5.01- Quy chế đào tạo; 2.5.02 - Quy trình thi tổ chức thi tốt nghiệp; 2.5.03 - Quy trình thi kết thúc modul/môn học*).

Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BLĐT BXH ngày 30/06/2017 của Bộ LĐTB&XH về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp, trường cao đẳng; Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể về việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên. (*2.5.04 - Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV*).

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BLĐT BXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Trường đã ban hành các quy định và hướng dẫn cụ thể về quản lý văn bằng chứng chỉ. (*2.5.05- Quy định về mẫu bằng Trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng; 2.5.06 - Quy trình cấp phát văn bằng chứng chỉ*).

Công tác tổ chức thi và công nhận tốt nghiệp cho học sinh – sinh viên được thực hiện theo đúng nội quy, quy chế của Trường và những quy định của Bộ Lao động Thương binh và xã hội đã ban hành. Việc tổ chức thi tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình: căn cứ vào kế hoạch đào tạo, phòng Khảo thí và KĐCL tham mưu Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp và các tiểu ban bao gồm: Ban thư ký, Ban biên soạn đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi tốt nghiệp; Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện cuối khoá và các khoản học phí đã hoàn thành của HSSV, Hội đồng thi tốt nghiệp tổ chức họp xét điều kiện dự thi và trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách HSSV đủ/không đủ điều kiện thi tốt nghiệp. Quá trình thi được tổ chức nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. (*2.5.07-Kế hoạch thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 2.5.08- Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 2.5.09 – Quyết định thành lập Ban Đề thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 2.5.010 – Quyết định thành lập Ban chấm thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 2.5.11 – Quyết định thành lập Ban coi thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 2.5.12*

– *Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 2.5.13- Kế hoạch phân công giáo viên coi thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 2.5.14- Biên bản phòng thi, xưởng thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024)*

Sau khi có kết quả thi, Hội đồng thi tốt nghiệp sẽ họp để đánh giá tình hình, xét và quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện. Kết quả thi sẽ được công bố công khai trên bảng tin của trường, kết quả thi vẫn đáp được công bố cho học sinh ngay trong ngày thi. *(2.5.15 - Biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 2.5.16- Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 2.5.17- Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học luôn được nhà trường coi trọng và triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng là đơn vị chịu trách nhiệm chính kết hợp cùng các đơn vị lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và báo cáo Hiệu trưởng kết quả thực hiện *(2.2.09 - Bộ thanh kiểm tra hoạt động đào tạo và quy chế đào tạo (Gồm: Kế hoạch thanh kiểm tra hoạt động đào tạo; Biên bản thanh kiểm tra hoạt động đào tạo; Biên bản kiểm tra quy chế đào tạo; Báo cáo thanh kiểm tra hoạt động đào tạo)*

Đối với khoa Cơ giới, thường xuyên tổ chức kiểm tra định kỳ thông qua lịch giảng dạy và kế hoạch giáo viên. Trưởng khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về hoạt động của đơn vị mình. *(2.2.03- Kế hoạch giáo viên năm 2022, 2023, 2024; 2.2.04- Lịch trình giảng dạy; 2.2.05- Giáo án giảng dạy; 2.2.06 - sổ tay giáo viên; 2.2.07 - Sổ lên lớp).*

Hàng năm, nhà trường tổ chức Hội giảng, Hội thi liên quan đến công tác đào tạo để nâng cao chất lượng giảng dạy và phát động tinh thần thi đua trong toàn trường, qua đó giáo viên có cơ hội để trao đổi và học hỏi lẫn nhau và từ đó nhà trường cũng đánh giá được chất lượng đội ngũ giáo viên của mình *(2.3.01- Kế hoạch hội giảng giáo viên khoa Cơ giới năm 2022; 2.3.05 - Kế hoạch tổ chức Hội thi thiết kế bài giảng trực tuyến trên nền tảng LMS năm 2023; 2.3.06- Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong cuộc thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS năm 2023; 2.3.07 - Quyết định khen thưởng giáo viên đạt thành tích cao trong các kỳ Hội giảng).*

Các hoạt động thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên và học tập của học sinh, sinh viên được triển khai tích cực góp phần đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong trường. Thông qua đó, nhà trường tổng kết đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, từ đó đặt ra phương hướng hành động phù hợp cho giai đoạn tiếp theo. Kết quả kiểm tra giám sát hàng năm cho thấy khoa Cơ giới tổ chức các hoạt động dạy và học phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được nguyện vọng của HSSV và giáo viên, chương trình nghề Công nghệ ô tô được triển

khai tổ chức giảng dạy và học tập đúng tiến độ, kế hoạch và quy định. **(2.6.01 - Báo cáo thanh kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2022, 2023, 2024)**

Để nâng cao chất lượng dạy và học, Nhà trường đã lập kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh - sinh viên về chất lượng dạy và học. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Nhà trường tổng hợp, đánh giá kết quả và tổng hợp, đánh giá các đề xuất để điều chỉnh tiến độ, kế hoạch đào tạo... nhằm đáp ứng và nâng cao chất lượng dạy và học. 100% các đối tượng được khảo sát đều hài lòng và rất hài lòng (đồng ý và rất đồng ý) với việc tổ chức các hoạt động dạy và học của nhà trường và giáo viên. **(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024)).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định

Căn cứ thông tư số 27/2017/TT- BLĐT BXH ngày 21/09 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã ban hành Quy chế về tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ áp dụng tại Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi. Quy chế đào tạo liên thông của trường quy định phạm vi, đối tượng áp dụng, đối tượng và điều kiện học liên thông; Việc tổ chức và đào tạo liên thông; Nhiệm vụ, quyền hạn của trường và người học liên thông; Các chế độ báo cáo và xử lý vi phạm; trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá, báo cáo về công tác đào tạo liên thông... Quy chế đào tạo liên thông của trường đúng và đủ theo quy định **(2.7.01- Quy chế đào tạo liên thông; 2.7.02- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 35/2018/GCNĐKHĐ-TCGDNN, 2.7.03- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung số 35a/2019/GCNĐKHĐBS-TCGDNN)**

Trên cơ sở quy chế đào tạo liên thông và thực tế hoạt động trường đã đề nghị và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành nghề. Trường tổ chức tuyển sinh theo quy định tuyển sinh liên thông được quy định rõ trong Quy chế tuyển sinh của trường và có quyết định mở lớp, tổ chức đào tạo liên thông theo quy định

Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô; Tổ chức tuyển sinh, đào tạo và giám sát bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Số lượng HSSV liên thông các năm cụ thể như sau:

Năm	Trình độ liên thông	Số lượng
------------	----------------------------	-----------------

2022	Trung cấp – Cao đẳng	37
2023	Trung cấp – Cao đẳng	39
2024	Trung cấp – Cao đẳng	38

(2.1.03- Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2022, 2023, 2024 ; 2.7.04– Quyết định ban hành các chương trình đào tạo liên thông; 2.7.05 - Biên bản họp hội đồng rà soát, chỉnh sửa chương trình liên thông; 2.7.06- Biên bản thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo liên thông; 2.7.07- Biên bản họp xét tuyển sinh và danh sách trúng tuyển Liên thông năm 2022, 2023, 2024; 2.1.08-Thông báo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024; 2.7.08– Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển 2022, 2023, 2024; 2.7.09 – Quyết định mở các lớp liên thông 2022, 2023, 2024; 2.7.10- Kế hoạch đào tạo các lớp liên thông 2022, 2023, 2024; 2.7.11 – Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp liên thông 2022, 2023, 2024; 2.7.12 - Quyết định công nhận tốt nghiệp cho HSSV hệ Liên thông Cao đẳng; 2.7.13 - Báo cáo tốt nghiệp liên thông các năm 2022, 2023)

Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo liên thông được thực hiện theo kế hoạch chung của Nhà trường, của Khoa. Kết quả thanh tra, kiểm tra được đánh giá thông qua các buổi họp hội đồng, họp giao ban, họp khoa và được thể hiện qua các báo cáo. *(2.7.14 - Các biên bản họp về đào tạo liên thông 2022, 2023, 2024; 2.7.15 – Báo cáo về việc tổ chức đào tạo liên thông các năm 2022, 2023, 2024)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Ban Giám hiệu trường có trình độ, năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, chủ động, tích cực chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường, luôn đoàn kết, thống nhất và được đa số cán bộ giáo viên, công nhân viên Nhà trường tin tưởng, tin nhiệm cao.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý khoa Cơ giới đạt chuẩn về trình độ và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công tác và giảng dạy tại trường. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ về số lượng, có năng lực phù hợp với yêu cầu từng vị trí công việc. Không những vậy, trường luôn có kế hoạch và biện pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn bộ cán bộ, giáo viên và nhân viên trong trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho từng giai đoạn.

❖ Những điểm mạnh:

Khoa Cơ giới có đội ngũ giáo viên đủ để phân công giảng dạy cho tất cả các môn học/modun cho 03 nghề đang đào tạo của Khoa. Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.

Đội ngũ giáo viên của trường đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học. Tỷ lệ giáo viên có khả năng giảng dạy được cả lý thuyết và thực hành

cao, đạt trên mức quy định. Tất cả đều có tinh thần tự giác học hỏi nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Nhà trường có mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho giáo viên và học sinh sinh viên thâm nhập thực tế.

Trưởng khoa, phó khoa Cơ giới đều có trình độ, năng lực phẩm chất tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công tác quản lý và nhiệm vụ của Hiệu trưởng giao.

Trường đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều quy định, quy chế; Phân cấp quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ và nhân viên,... thực hiện các chế độ chính sách cho CBVC một cách rõ ràng, công khai, bảo đảm sự công bằng và dân chủ .

Nhà trường tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, giáo viên đi học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước

❖ Những tồn tại và kế hoạch

- Xây dựng chính sách khuyến tài hợp lý để có thể tuyển dụng thêm giáo viên trình độ cao, có kinh nghiệm và giữ chân giáo viên giỏi tại Trường.
- Lập kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ và khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ cho cán bộ giáo viên.
- Cử cán bộ, giáo viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo qui định

Hiện nay, khoa Cơ giới được giao nhiệm vụ đào tạo nghề Công nghệ ô tô ở 03 cấp trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trường liên tục thực hiện sàng lọc, tuyển mới và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên. Trong đó nhà giáo tham gia giảng dạy các môn chuyên môn đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo GDNN theo quy định. 100% nhà giáo tham gia giảng dạy các môn chung, môn văn hóa trung học phổ thông đạt chuẩn theo quy định tại thông tư 20/2018/TT-BGDĐT quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Ngoài ra đội ngũ giáo viên Khoa Cơ giới còn được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng theo tiêu chuẩn quốc tế và được cấp chứng chỉ tương đương tiêu chuẩn quốc tế (**3.1.01- Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024; 3.1.02- Hồ sơ quản lý giáo viên; 3.1.03 - Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng của Tổ chức GIZ; 3.1.04- Các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn quốc tế**).

Hàng năm, nhà trường tổ chức đánh giá chất lượng đội ngũ nhà giáo nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy thông qua các phong trào Hội giảng, Thi chế tạo thiết bị đào tạo tự làm, Hội thi tay nghề các cấp. Chất lượng đội ngũ giáo viên được khẳng định thông qua các giải thưởng của rất nhiều kỳ thi giáo viên giỏi nghề cấp tỉnh, cấp quốc gia. Đặc biệt, năm 2020 Nhà trường đăng cai Hội thi tay nghề cấp Bộ lần thứ IX và xuất sắc đạt giải Nhất toàn đoàn với 14 giải Nhất, 01 giải Ba. Trong đó nghề Công nghệ ô tô có 01 học sinh tham dự và đạt giải Nhất cuộc thi; có 03 học sinh dự thi tay nghề cấp Quốc gia đạt 3 chứng chỉ kỹ năng nghề xuất sắc;

(1.2.05 – Báo cáo tổng kết hoạt động khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024; 3.1.05 - Phiếu tự đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo; 3.1.06 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa Cơ giới các năm 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên Khoa Cơ giới luôn chấp hành nghiêm túc chủ trương, Nghị quyết của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện đúng Luật viên chức và Quy chế làm việc của cơ quan, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Từ năm 2022 đến nay không có trường hợp nào vi phạm và bị xử lý kỷ luật. (**3.2.01 - Báo cáo tổng hợp ABC hàng tháng của Khoa Cơ giới**)

Cuối năm, nhà trường đều tổ chức họp kiểm điểm đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động theo các quy định hiện hành và hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Kết quả 100% nhà giáo Khoa Cơ giới được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (**3.1.01- Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên nghề Công nghệ ô tô năm; 3.1.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo; 3.2.02 – Bản tự đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động năm 2022, 2023.**)

Tập thể Khoa Cơ giới nhiều năm liền được đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tất cả cán bộ giáo viên của Khoa Cơ giới được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, nhiều nhà giáo được công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng (**1.2.05 - Báo cáo tổng kết hoạt động Khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024;**

1.2.06 - Các quyết định khen thưởng hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định

Khoa Cơ giới có đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu của chương trình đào tạo (**3.1.01- Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên Khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024**).

Kế hoạch đào tạo hàng năm được nhà trường chuẩn bị kỹ càng đảm bảo không trùng lặp, dễ theo dõi kiểm tra và người học được đặt ở vị trí trung tâm. Khoa Cơ giới căn cứ vào kế hoạch đào tạo để phân công, sắp xếp giáo viên phù hợp (**2.2.01- Kế hoạch và tiến độ đào tạo năm 2022, 2023, 2024; 2.2.02- Thời khóa biểu giảng dạy năm 2022, 2023, 2024; 2.2.03 - Kế hoạch giáo viên Khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024; 3.3.01 - Danh sách HSSV học nghề Công nghệ ô tô hàng năm**)

Chế độ làm việc của nhà giáo được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ và được thực hiện nghiêm túc, minh bạch (**1.3.06 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024**)

Tỷ lệ học sinh, sinh viên/ giáo viên, giảng viên của nghề Công nghệ ô tô tối đa là 20 học sinh, sinh viên/ giáo viên, giảng viên đảm bảo quy định. Trong đó giảng viên cơ hữu đảm nhận ít nhất khoảng 86% khối lượng chương trình của nghề đào tạo. (**3.1.01- Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên Khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024; 3.3.02- Bảng thống kê tỷ lệ qui đổi người học/nhà giáo năm 2022, 2023, 2024**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, Ban Giám hiệu nhà trường đã quan tâm và chỉ đạo kịp thời, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường đã đạt được nhiều kết quả. Cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu và có đề tài khoa học được Nhà trường hỗ trợ, cấp kinh phí tổ chức thực hiện khi đề tài được Hội đồng khoa học Nhà trường thông qua và được khen thưởng khi đạt giải các cấp. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng Quy trình quản lý đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm trong đó có quy định quy trình thực hiện đề tài, sáng kiến và khen thưởng đề tài, sáng kiến. Nhà trường còn gắn việc nghiên cứu khoa học, có sáng kiến cải tiến hoặc áp dụng công nghệ mới là một trong những tiêu chí bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm (**1.3.06- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023,**

2024; **3.4.01- Quy định quản lý đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cấp cơ sở; 3.4.02- Quy chế thi đua khen thưởng)**

- Hưởng ứng phong trào nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ của nhà trường, cán bộ giáo viên khoa Cơ giới đã nhiệt tình tham gia. Các đề tài của Khoa phần lớn tập trung vào nghiên cứu quản lý đào tạo, ứng dụng kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới phương pháp dạy học; xây dựng các mô hình, thiết bị phục vụ để nâng cao chất lượng đào tạo. Các đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa được Hội đồng nghiên cứu khoa học của trường đánh giá cao và có tính thực tiễn. (**3.4.03- Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề; 3.4.04- Danh sách nhà giáo giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các Hội thi tay nghề giỏi, Hội thi thiết bị tự làm; 3.4.05- Sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; 3.4.06- Biên bản nghiệm thu sáng kiến kinh nghiệm, đề tài NCKH; 1.2.06 - Quyết định khen thưởng, 3.4.07 - Hình ảnh các Hội thi)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Hàng năm, phòng Tổ chức hành chính đều yêu cầu các đơn vị đề xuất nhu cầu học bồi dưỡng cho cán bộ giáo viên trên cơ sở nhu cầu từ đơn vị đồng thời theo dự kiến của nhà trường, phòng tổ chức hành chính tổng hợp và xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý hàng năm (**3.5.01 - Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức; 3.5.02 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên năm 2022, 2023, 2024**). Để thực hiện kế hoạch hiệu quả, khi có lớp đào tạo, bồi dưỡng Nhà trường đều có quyết định cử cán bộ giáo viên học nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp từng giai đoạn, từng lớp theo năng lực các nhân. Trong những năm qua, trường đã cử nhiều lượt giáo viên Khoa Cơ giới tham gia học tập ở CHLB Đức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (**3.5.03 - Các quyết định cử cán bộ giáo viên học nâng cao trình độ chuyên môn /Các quyết định cử giáo viên đi học ở nước ngoài; 3.5.04 - Hình ảnh về việc nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng hàng năm**).

Kết thúc mỗi khoá học đội ngũ nhà giáo của Khoa Cơ giới đều có văn bản báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện đào tạo nghiêm túc và đạt kết quả cao trong các lớp học, khóa học (**3.5.05 - Báo cáo kết thúc khóa học bồi dưỡng của giáo viên; 3.1.04 - Chứng chỉ học tập bồi dưỡng của giáo viên**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo Khoa Cơ giới lập kế hoạch, đề xuất nhà trường tổ chức cho giáo viên đi thăm quan, thực tập và quản lý quá trình thực tập của HSSV tại doanh nghiệp để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Kết quả trong năm 2022, 2023 khoa có 100% nhà giáo chuyên

ngành tham gia thực tập tại doanh nghiệp theo quy định. *(3.4.04 - Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu dạy chuyên ngành; 3.6.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại doanh nghiệp; 3.6.02- Hợp đồng/thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp; 3.6.03 - Quyết định cử giáo viên đi thực tập tại các doanh nghiệp; 3.6.04 - Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên; 3.5.05 - Báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: Đạt

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Căn cứ vào tiêu chuẩn công chức viên chức và điều lệ hoạt động của trường cao đẳng nghề, cùng với việc dự báo về quy mô và mục tiêu phát triển lâu dài của trường, Đảng ủy – Ban giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm bồi dưỡng xem trọng công tác cán bộ. Cán bộ Khoa Cơ giới có 02 người (01 trưởng khoa, 01 phó khoa) đều đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định của nhà nước. Cán bộ, nhân viên các đơn vị liên quan đến chương trình đào tạo (phòng Đào tạo) đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. *(3.7.01- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý khoa Cơ giới; 3.7.02- Hồ sơ cán bộ khoa Cơ giới; 3.7.03 - Danh sách trích ngang nhân viên của phòng Đào tạo; 3.7.04 - Hồ sơ nhân viên Phòng Đào tạo).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do trường giao.

Cán bộ của Khoa Cơ giới đều trưởng thành từ giáo viên và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, được đào tạo chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ và được thử thách trong công việc thực tế, có năng lực, nghiệp vụ quản lý đáp ứng được yêu cầu công tác được khẳng định qua kết quả đánh giá thi đua của cá nhân và tập thể cán bộ, giáo viên trong trường.

Năm 2022: 100% Cán bộ quản lý, giáo viên khoa Cơ giới hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (01 cán bộ, GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ). Tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, 02 người đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Tập thể được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen; 01 người được Chủ tịch Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tặng Bằng khen; 01 người được Sở LĐTBXH tặng giấy khen, 02 người được Hiệu trưởng nhà trường tặng giấy khen.

Năm 2023: 100% Cán bộ quản lý, giáo viên khoa Cơ giới hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (03 cán bộ, GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ). Tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; 01 cá nhân được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng bằng khen; tập thể khoa được chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen; 02 người đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 01 người được Sở LĐTBXH tặng giấy khen, 04 người được Hiệu trưởng nhà trường tặng giấy khen.

Năm 2024: 100% Cán bộ quản lý, giáo viên khoa Cơ giới hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (02 cán bộ, GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ). Tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. 02 người đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 01 người được Hiệu trưởng nhà trường tặng giấy khen.

(3.7.01- Danh sách trích ngang cán bộ quản khoa Cơ giới; 3.2.02 - Bản tự đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024.; 3.1.06 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa Cơ giới các năm 2022, 2023, 2024; 1.2.07 - Thông báo kết quả bình xét thi đua và hình thức khen thưởng năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024; 3.8.01 – Bằng khen, giấy khen của cán bộ quản lý; 2.3.07– Quyết định khen thưởng giáo viên đạt thành tích cao trong các kỳ Hội giảng; 2.2.15- Báo cáo tổng kết năm 2022, 2023, 2024)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi có đầy đủ các chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo đều theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học sau khi tốt nghiệp đạt được và có tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo. Giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô cung cấp đầy đủ kiến thức và những yêu cầu về kỹ năng mà người học phải đạt được. Chương trình và giáo trình đào tạo của nghề được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nền công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp. Chương trình đào tạo của nghề có đủ mô đun, môn học theo mẫu định dạng chung và được xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

❖ Những điểm mạnh:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng; phương pháp, hình thức đào tạo cho từng trình độ đối với mỗi mô-đun, môn học, mỗi nghề hoàn toàn phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đào tạo của trường và gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động. Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới dưới sự góp ý của các giáo viên, chuyên gia và các doanh nghiệp.

Trường có đủ các bộ giáo trình và tài liệu tham khảo cho tất cả các môn học chung, các môn cơ sở và các mô đun có trong chương trình đào tạo của nghề.

❖ Những tồn tại:

- Nhà trường khuyến khích giáo viên biên soạn giáo trình nhưng công tác thẩm định còn nhiều hạn chế. Giáo trình biên soạn ở mức lưu hành nội bộ.

❖ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Tiếp tục rà soát, cập nhật để điều chỉnh chương trình, giáo trình cho phù hợp.

- Lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để điều chỉnh, bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 35/2018/GCNĐKHĐ-TCGDNN, Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung số 35a/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường tiến hành xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô theo hướng dẫn của thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định về Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình và Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (**4.1.01**– *Kế hoạch Rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, liên thông cao đẳng, trung cấp năm 2022, 2024* ;**4.1.02** – *Quyết định*

thành lập các tiểu ban rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2022, 2024 ; 4.1.03- Biên bản họp tiểu ban xây dựng, chỉnh sửa chương trình năm 2022, 2024 ; 4.1.04 - Biên bản Hội thảo chuyên gia về chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại năm 2022, 2024 .; 4.1.05 – Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022, 2024 ; 4.1.06 - Phiếu đóng góp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định (Bản phản biện chương trình đào tạo năm 2022, 2024 ; 4.1.07 - Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022, 2024 ; 1.1.01 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2024 ; 1.1.02 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Để xây dựng được bộ chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô có cấu trúc hợp lý, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, ngoài sự tham gia chủ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên trong Khoa, nhà trường đã mời giáo viên từ các đơn vị khác trên địa bàn và đại diện của doanh nghiệp tương ứng trực tiếp tham gia xây dựng, đồng thời gửi phiếu khảo sát doanh nghiệp về chương trình. Qua đó Hội đồng biên soạn chương trình tiến hành chỉnh sửa hoàn thiện bộ chương trình, trình hiệu trưởng ban hành và áp dụng vào đào tạo.

Danh sách cán bộ kỹ thuật và giáo viên ngoài trường tham gia xây dựng, chỉnh sửa và thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô:

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Văn Mịch	Trường Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai
2	Đỗ Mạnh Hùng	Công ty TNHH TOYOTA Biên Hoà
3	Nguyễn Thành Tâm	Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai
4	Mai Đức Dân	Công ty TNHH Thông Thuận Thành

(4.1.02 – Quyết định thành lập các tiểu ban rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2022, 2024; 4.1.05– Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022, 2024; 4.1.06 - Phiếu đóng góp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định năm 2022, 2024; (Bản phản biện chương trình đào tạo); 4.1.07 - Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022, 2024; 1.1.03 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022, 2024; 4.2.01 - Giấy mời các chuyên gia và giáo viên ngoài trường;)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của trường xây dựng và nghiệm thu đưa vào sử dụng đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng. Mục tiêu đào tạo thể hiện rõ những mức độ kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp người học cần đạt được. Mặt khác còn quy định yêu cầu về tác phong công nghiệp và thái độ nghề nghiệp cần có nhằm trang bị cho người học tay nghề thành thạo và kiến thức sống phù hợp với xã hội. Cấu trúc chương trình hợp lý được thiết kế trên cơ sở Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô thể hiện rõ:

+ Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2471/85 (giờ/ tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 20
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/ tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2036/66 (giờ/ tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 667 (giờ) thực hành, thực tập: 1717 (giờ)
- Thời gian khóa học: 3 năm

+ Năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp:

❖ Kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- Giải thích được kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển;
- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm các thông số kỹ thuật của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện, điện tử, khí nén và thủy lực của các loại ô tô;
- Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được các yêu cầu cơ bản và các bước công việc khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp sử dụng, vận hành và phạm vi ứng dụng của các dụng cụ và trang thiết bị trong lĩnh vực Công nghệ ô tô;

- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp;

- Trình bày được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

❖ Kỹ năng

- Đọc được bản vẽ về kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các sơ đồ mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển; đọc được các ký hiệu phân loại của các linh kiện, chi tiết, bộ phận trên ô tô; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;

- Lựa chọn đúng, sử dụng thành thạo và bảo dưỡng, bảo quản được các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;

- Chẩn đoán và phát hiện chính xác và đầy đủ các sai hỏng trong các cụm chi tiết, các hệ thống của ô tô;

- Kiểm tra được những sai hỏng của các cụm chi tiết, bộ phận và hệ thống trong ô tô; - Lập được quy trình tháo, lắp các chi tiết, bộ phận, hệ thống của ô tô;

- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng lỗi kỹ thuật và từng loại ô tô;

- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm, đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn lao động;

- Tổ chức và quản lý được quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;

- Thực hiện tốt các nội dung 5S;

- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;

- Tiếp nhận và chuyển giao được các công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;

- Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh công nghiệp;

- Có khả năng đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, tương đương 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

❖ Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

(1.1.01 – Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 2.4.01 – Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2024)

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của người học, của doanh nghiệp sử dụng lao động, của nhà giáo về khối lượng kiến thức, về phân bổ lý thuyết/Thực hành, về năng lực cần đạt được của người học... để đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo *(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.17 - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024); 2.3.19 - Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023 (Gồm: Kế hoạch khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Báo cáo kết quả khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đã được Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành theo Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024, trong đó thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học phù hợp với logic nhận thức, logic sư phạm để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại

Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng được bố trí giảng dạy trong 06 học kỳ. Số lượng môn học, mô đun: 20; Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 85 tín chỉ; Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ; Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.036 giờ. Như vậy khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2471 giờ, trong đó lý thuyết là 667 giờ chiếm 27%; thực hành, thực tập, đồ án, 1717 giờ chiếm 70%; thi, kiểm tra 87 giờ chiếm 3% (**1.1.01 - Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 2.4.01 – Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng**)

Như vậy, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô có cấu trúc hợp lý, phân bổ thời gian và trình tự thực hiện các mô đun, môn học phù hợp đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. (**2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.17 - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024); 2.3.19 - Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023 (Gồm: Kế hoạch khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Báo cáo kết quả khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023).**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Với mong muốn chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động, Nhà trường đã chú trọng đến tính thực tiễn và sự thay đổi của thị trường lao động nhằm chuẩn bị về cơ sở vật chất, chuẩn bị về đội ngũ giáo viên để đảm bảo chất lượng đào tạo.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đã được Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành theo quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024, trong đó thể hiện rõ những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, về năng lực đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng. Cụ thể trong từng chương trình mô đun, môn học của Chương trình đào tạo thể hiện điều kiện thực hiện môn học về phòng học, nhà xưởng, phòng học chuyên môn; trang

thiết bị, máy móc; học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu; yêu cầu đối với nhà giáo giảng dạy mô đun, môn học. Như vậy, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đáp ứng đủ các điều kiện để đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo một cách hiệu quả (**1.1.01 - Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 2.4.01 – Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng; 2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.17 - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024); 2.3.19 - Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023 (Gồm: Kế hoạch khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Báo cáo kết quả khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023)**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đã được Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành theo Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024, trong đó hướng dẫn cụ thể thời gian, phương pháp đánh giá, hình thức tổ chức thi/kiểm tra hết modun/môn học, thi tốt nghiệp; xác định yêu cầu về năng lực về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học.

Tại mục 7.4: “Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun” trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đã quy định về cách thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của HSSV.

Tại mục 2.2: “Mục tiêu cụ thể” trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. (**1.1.01 - Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng; 2.4.01 – Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng**)

Tùy theo đặc thù từng môn học/ môđun, các phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau được áp dụng, việc thực hiện cách thức đánh giá kết quả học tập của HSSV được thực hiện theo quy trình cụ thể (**4.6.01 - Quy trình đánh giá kết quả học tập của HSSV; 2.5.03 - Quy trình kiểm tra kết thúc modun, môn học; 2.5.01- Quy chế đào tạo**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Nghề Công nghệ ô tô của trường là một ngành nghề truyền thống, là thế mạnh của trường, đã tạo được uy tín và lòng tin với giới sử dụng lao động. Với mong muốn chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương và đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, thị trường lao động. Nhà trường, Khoa Cơ giới đã chú trọng đến tính thực tiễn và sự thay đổi của thị trường lao động bằng sự đóng góp ý kiến của các cán bộ, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp và các nhà giáo có uy tín. Bên cạnh đó Nhà trường lên kế hoạch tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động, cựu học sinh, giảng viên... về chất lượng chương trình đào tạo qua các hình thức như gửi thư ngỏ, lấy phiếu khảo sát, phỏng vấn... Trường đã nhận được ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, cựu HSSV và tiến hành phân tích, tiếp thu đưa vào nội dung sửa đổi chương trình. Qua báo cáo kết quả khảo sát được đánh giá là chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động (*1.1.01 - Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 2.4.01 – Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2024; 2.3.17 - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024); 2.3.19 - Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023 (Gồm: Kế hoạch khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Báo cáo kết quả khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023)*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg, ngày 31/5/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng theo hướng liên thông đều có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở bổ sung các kỹ năng và kiến thức còn thiếu. Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng, đại học nhằm đảm bảo cho người học có cơ hội học tập tiếp, nâng cao trình độ tay nghề.

Do đó khi học người học có thể liên thông một cách dễ dàng giữa các trình độ đào tạo. Khi liên thông dọc từ bậc CNKT hay sơ cấp lên trung cấp và cao đẳng cùng nghề thì chỉ cần bổ sung thêm một số mô đun, môn học nâng cao. Còn đối với trường hợp liên thông ngang, người học muốn chuyển sang một nghề khác cùng cấp trình độ thì được miễn các môn học, mô đun đã học (*4.8.01 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô (trình độ sơ cấp); 1.1.01 – Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình*

đào tạo năm 2024; 2.7.05 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô; 4.8.02 – Các bộ chương trình đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô; 2.7.06 - Biên bản họp hội đồng rà soát, chỉnh sửa chương trình liên thông; 2.7.07 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo liên thông)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Căn cứ Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đã được Hiệu trưởng ban hành theo Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024, Khoa Cơ giới đã tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình giảng dạy nội bộ nghề Công nghệ ô tô bao gồm 21 đầu giáo trình cho 21 mô-đun/môn học trong chương trình đào tạo, cụ thể:

STT	Môn học/Modun	Số môn học/modun	Số giáo trình đã có
1	Các môn học chung	06	06
2	Môn học, modun cơ sở	02	02
3	Môn học, modun chuyên môn	13	13
Cộng		21	21

Tất cả các mô-đun/môn học đều có giáo trình giảng dạy được biên soạn công phu và rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó còn giới thiệu danh mục tài liệu tham khảo để người học tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức liên quan đến nội dung mô-đun/môn học. *(1.1.01 – Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 2.4.01 – Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng; 4.9.01 – Bảng kê danh mục giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2024; 4.9.02 – Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

100% giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của trường được biên soạn, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định tại Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. *(4.9.01 – Bảng kê danh mục giáo trình nghề Công nghệ ô tô 2024; 4.9.02 – Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô 2024)*

Để đảm bảo yêu cầu đổi mới giáo trình về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái

độ cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo. Vì vậy khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định. Giáo trình được hoàn thiện và đổi mới, chất lượng giáo trình được nâng cao và cập nhật được công nghệ kỹ thuật mới. *(1.1.01 - Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 1.1.02 - Quyết định số 244/QĐ-CG< ngày 20/07/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022; 2.4.01 – Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng; 4.10.01 - Danh mục giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022; 4.9.01 - Danh mục giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2024)*

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về công tác tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; tổ chức phản biện, nghiệm thu giáo trình. *(4.10.02 - Quy trình bổ sung, chỉnh sửa giáo trình đào tạo; 4.10.03 - Kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa giáo trình 2022, 2024; 4.10.04 - Quyết định thành lập Hội đồng biên soạn, điều chỉnh giáo trình năm 2022, 2024).*

Các giáo trình đang được sử dụng đều được Hội đồng thẩm định cấp trường tổ chức xem xét đánh giá, thẩm định theo trình tự, thủ tục có biên bản họp, phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng, văn bản phản biện; Hội đồng tiến hành nghiệm thu, trình Hiệu trưởng ký Quyết định lưu hành nội bộ *(4.10.05 - Biên bản Hội thảo thẩm định các bộ giáo trình đào tạo; 4.10.06 - Biên bản nghiệm thu giáo trình).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Hiện nay, 21 cuốn giáo trình nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng đã được Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá, cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng modun, môn học trong chương trình đào tạo. Mỗi chương, bài của giáo trình có đủ kiến thức cốt lõi, kiến thức mở rộng; có câu hỏi, bài tập; có danh mục tài liệu tham khảo; đảm bảo phù hợp với trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. *(1.1.01 – Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 2.4.01 – Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng; 4.9.01 – Danh mục giáo trình nghề Công nghệ ô tô; 4.9.02 – Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô; 4.11.01 - Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định giáo trình; 4.10.04 - Quyết định thành lập Hội đồng biên soạn, điều chỉnh giáo trình năm 2022, 2024; 4.10.05 - Biên bản Hội thảo thẩm định các bộ giáo trình đào tạo; 4.10.06 - Biên bản nghiệm thu giáo trình; 4.11.02 - Quyết định ban hành và áp dụng giáo trình đào tạo năm 2022, 2024)*

Nhà trường định kỳ lấy ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, người học về chất lượng giáo trình đáp ứng các yêu cầu cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình đào tạo, kết quả như sau:

Năm 2022: Khảo sát 17 giáo viên, tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức độ tốt, trên 95%; Khảo sát 152 HSSV, tỷ lệ HSSV đánh giá ở mức độ tốt, trên 96.4 %;

Năm 2023: Khảo sát 19 giáo viên, tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức độ tốt, trên 92.86%; Khảo sát 205 HSSV, tỷ lệ HSSV đánh giá ở mức độ tốt, trên 95.6%;

Năm 2024: Khảo sát 19 giáo viên, tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức độ tốt, trên 97.98%; Khảo sát 200 HSSV, tỷ lệ HSSV đánh giá ở mức độ tốt, trên 96.2%;

Điều đó cho thấy cho thấy giáo trình nghề Công nghệ ô tô được biên soạn phù hợp với các yêu cầu về nội dung, hình thức và cấu trúc của chương trình đào tạo, phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực đáp ứng yêu cầu dạy và học của nhà trường. **(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024);**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Giáo trình nghề Công nghệ ô tô là tài liệu giảng dạy góp phần quan trọng vào công tác giảng dạy và quyết định đến chất lượng đào tạo. Trong quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô nhà trường luôn nhận được sự đóng góp ý kiến từ đại diện các đơn vị sử dụng lao động, từ các chuyên gia lành nghề, từ cựu HSSV... và đặc biệt quan tâm đến tính thực tiễn kịp thời cập nhật những công nghệ mới trong sản xuất để nâng cao chất lượng giáo trình. **(1.1.01 – Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024; 2.4.01 – Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng; 4.9.01 – Danh mục giáo trình nghề Công nghệ ô tô; 4.9.02 – Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô; 4.10.05– Biên bản Hội thảo thẩm định các bộ giáo trình đào tạo; 4.10.06 - Biên bản nghiệm thu giáo trình; 2.3.17 - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024); 2.3.19 - Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023 (Gồm: Kế hoạch khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Báo cáo kết quả khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023)).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Tổng cục GDNN.

Nhà trường có Quy hoạch tổng thể hợp lý, phù hợp với công năng sử dụng và môi trường sư phạm. Nhà trường có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Nhà trường có hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Trang thiết bị đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo quy định. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Trang thiết bị có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường.

Nhà trường có hệ thống thư viện, thư viện điện tử, có hệ thống internet băng thông rộng đáp ứng nhu cầu tra cứu truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

❖ **Những điểm mạnh:**

- Vị trí của trường phù hợp với quy hoạch của tỉnh Đồng Nai và mạng lưới các cơ sở GDNN; thuận tiện cho việc đi lại và học tập của người học.

- Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên phù hợp với công năng và các yêu cầu kiến trúc, cảnh quan sư phạm, đảm bảo khoảng cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên trường.

- Cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp, hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn đảm bảo các điều kiện hoạt động, đáp ứng quy mô đào tạo theo các nghề, trình độ đào tạo.

- Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi là trường chất lượng cao, được Chính phủ Đức đầu tư xây dựng thành Trung tâm đào tạo nghề xanh chất lượng cao theo Quyết định số 206/QĐ – TTg ngày 15/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ, được cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) lựa chọn thực hiện Dự án “Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam” nhằm đầu tư trường trở thành trường cao đẳng tương đương với các trường cao đẳng kỹ thuật Nhật Bản theo Quyết định 1432/QĐ-TTg ngày 21/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó Trường được Aus4Skills (Chương trình Úc cùng Việt Nam phát triển) lựa chọn hỗ trợ triển khai

xây dựng, đào tạo trong lĩnh vực Logistics theo tiêu chuẩn Úc với các nghề thuộc lĩnh vực Logistics như Xếp dỡ cơ giới tổng hợp; Quản lý kho hàng.

❖ **Những tồn tại:**

- Hiện nay nhà trường đang xây dựng khu nhà xưởng Thực hành, nên một số thiết bị của nghề Công nghệ ô tô đang được sắp xếp, bố trí tại các phòng thực hành chung của khoa.

❖ **Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Kế hoạch từ nay đến năm 2025, trường thực hiện quy hoạch mặt bằng tổng thể, tiếp tục đầu tư phát triển, bổ sung thêm thiết bị thực hành hiện đại. Đặc biệt tập trung cho các nghề đào tạo theo tiêu chuẩn CHLB Đức, tiêu chuẩn Úc và 06 nghề trọng điểm trong đó có nghề Công nghệ ô tô đã được Bộ và Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

Tiếp tục đầu tư mới, nâng cấp hệ thống phòng học, xưởng thực tập, văn phòng khoa đồng bộ, hiện đại để đạt chuẩn nghề trọng điểm của trường chất lượng cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Qua các giai đoạn nâng cấp, nhà trường đã có hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn đáp ứng quy mô đào tạo và trình độ đào tạo của nghề Công nghệ ô tô. Các công trình đều bảo đảm quy chuẩn xây dựng,

đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật. Các yếu tố như an toàn, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thông gió... được bố trí hợp lý và đúng quy chuẩn.

Hệ thống khu phòng học lý thuyết và khu thực hành được bố trí riêng biệt, độc lập, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa các khu vực học tập, đảm bảo mọi hoạt động đào tạo của Nhà trường. Hệ thống các phòng học lý thuyết thoáng mát, rộng rãi, thông gió tốt, đảm bảo được nguồn ánh sáng và nguồn gió tự nhiên. Các xưởng thực hành được bố trí các cửa sổ hợp lý kết hợp với hệ thống quạt đảm bảo thông thoáng; hệ thống đèn chiếu sáng kết hợp với ánh sáng tự nhiên đảm bảo ánh sáng phù hợp để HSSV thực hành. Các xưởng được bố trí trang thiết bị hợp lý, đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị. Cụ thể như sau:

- Phòng học lý thuyết: học theo kế hoạch chung của trường. Các phòng học có diện tích từ 60 m² trở lên.
- Hệ thống xưởng thực hành của khoa Cơ giới gồm 11 xưởng; tại 02 cơ sở
 - + Cơ sở Hồ Nai 3: 07 xưởng với diện tích 72 m²/xưởng trở lên.
 - + Cơ sở Thiện Tân: 04 xưởng với diện tích 135 m²/xưởng trở lên.

Để đảm bảo đúng quy định và quyền lợi của HSSV, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, thực hiện học tập 02 buổi/ngày với 01 ca thực tập là 18 HSSV, lớp học lý thuyết không quá 35 HSSV để đảm bảo khối lượng kiến thức cũng như hình thành kỹ năng cho HSSV. Như vậy với lưu lượng sinh viên học nghề Công nghệ ô tô hiện nay là khoảng gần 500 HSSV/năm thì hệ thống các phòng học xưởng thực hành của khoa Cơ giới đáp ứng được nhu cầu đào tạo. **(5.1.01 - Hồ sơ hoàn công; 5.1.02 - Hình ảnh các khu nhà học, xưởng thực hành; 5.1.03 - Bảng thống kê số lượng, diện tích phòng học, xưởng thực hành)**

Bên cạnh đó, nhà trường còn chú trọng đầu tư các trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề Công nghệ ô tô nhằm nâng cao chất lượng học tập, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp **(5.1.04 - Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Cơ giới)**

Hệ thống điện của nhà trường được cung cấp từ công ty điện lực Đồng Nai nên luôn đảm bảo nhu cầu sử dụng. Các phòng làm việc, phòng học, xưởng thực hành... được trang bị đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng, điện cho vận hành máy móc thiết bị... đều có hệ thống ngắt điện bảo vệ tự động khi có sự cố xảy ra. Ngoài ra nhà trường còn có máy phát điện dự phòng với công suất 300 KVA để đảm bảo cho hoạt động của nhà trường khi mất điện **(5.1.05 - Hợp đồng cung cấp điện; Hóa đơn thanh toán tiền điện; Hồ sơ lắp đặt trạm biến áp; 5.1.06 – Hình ảnh hệ thống cung cấp điện, nước thực tế của nhà trường; 5.1.07 - Bản vẽ hệ thống điện)**

Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt của nhà trường được cung cấp từ Nhà máy nước Thiện Tân nên đáp ứng yêu cầu về chất lượng nước và đảm bảo nhu cầu sử dụng của nhà trường đáp ứng đủ các yêu cầu hoạt động của trường. Ngoài ra nhà trường còn có bể ngầm với dung tích 600 m³ và 02 bơm dự phòng để cung cấp nước cho toàn bộ nhà trường khi mất nước **(5.1.08 - Hợp đồng cung cấp nước sinh**

hoạt; Hóa đơn thanh toán tiền nước; 5.1.09 - Bản vẽ hệ thống cung cấp nước sinh hoạt)

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại trường được lắp đặt đầy đủ. Các công cụ, thiết bị hỗ trợ được trang bị đầy đủ, đúng theo quy chuẩn. Hàng năm, hệ thống PCCC toàn trường được công an PCCC giám sát, kiểm tra định kỳ và được đánh giá đảm bảo yêu cầu. Ngoài ra, Nhà trường còn thành lập lực lượng PCCC tại chỗ và đề ra phương án PCCC theo hướng dẫn của cơ quan PCCC. *(5.1.10 – Hồ sơ quản lý công tác phòng cháy chữa cháy: (Gồm Biên bản kiểm tra của cơ quan PCCC hàng năm, Quyết định thành lập đội PCCC, Các phương án chữa cháy...)).*

Các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành được bố trí trang thiết bị hợp lý, đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị phù hợp với chức năng của ngành nghề đào tạo *(5.1.11 – Hồ sơ quản lý xưởng thực hành; 5.1.12 - Sơ đồ bố trí sắp xếp thiết bị phòng/xưởng).*

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến đánh giá từ người học, từ giảng viên... về chất lượng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đào tạo. Báo cáo kết quả khảo sát cho thấy cơ sở vật chất; phòng học, xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo. *(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Việc đầu tư thiết bị, công nghệ mang tính hiện đại luôn được sự quan tâm của lãnh đạo và tập thể đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên Nhà trường. Đặc biệt, từ năm 2022 đến nay nhà trường đã được Nhà nước đầu tư cho 06 nghề trọng điểm: Nghề Công nghệ ô tô, nghề Cắt gọt kim loại, nghề Công nghệ ô tô, Điện tử công nghiệp, Vận hành máy thi công nền, Xếp dỡ cơ giới tổng hợp; 02 nghề chuyển giao từ CHLB Đức. Đối với nghề Công nghệ ô tô nhà trường đã trang bị được các thiết bị đào tạo chính hiện đại đạt mức tương đương trình độ công nghệ sản xuất - dịch vụ hiện hành, tất cả máy móc, thiết bị đều có chỉ dẫn về vận hành, công năng sử dụng, các thông số kỹ thuật và mỹ thuật, các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động... *(5.1.11 – Hồ sơ quản lý xưởng thực hành; 5.1.04 - Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Cơ giới)*

Số lượng máy móc thiết bị đều phù hợp với quy mô đào tạo nghề Công nghệ ô tô. HSSV thực hành tại các xưởng được chia nhóm thực tập đảm bảo số lượng từ 15-18 HSSV/1 nhóm. Các xưởng thực hành có đủ thiết bị đảm bảo 1 – 5 HSSV /thiết bị chính. Các thiết bị, dụng cụ thực hành đều đảm bảo cho việc thực hành của người học phù hợp với ngành nghề đào tạo và phương pháp tổ chức lớp học hiện

tại trong trường. (5.2.01 - Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; 5.2.02 - Danh mục dạy nghề tối thiểu; 5.2.03 - Biên bản kiểm kê hàng năm; 5.2.04 - Thống kê số lượng người học từng nghề hàng năm; 3.3.01 - Danh sách người học nghề Công nghệ ô tô hàng năm; 2.2.07 - Sổ lên lớp.; 2.2.02 - Thời khóa biểu năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Nhận thức được tầm quan trọng của trang thiết bị máy móc tới việc luyện tập hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho HSSV, nhà trường đã ưu tiên đầu tư cho các nghề trọng điểm quốc gia trong đó có nghề Công nghệ ô tô. Số lượng thiết bị, máy móc đều phù hợp quy mô đào tạo. HSSV học lý thuyết theo lớp, học thực hành theo nhóm đảm bảo số lượng từ 15 - 20 HSSV/1 nhóm. Các xưởng thực hành có đủ thiết bị đảm bảo 1 – 5 HSSV /thiết bị chính. Các thiết bị, dụng cụ thực hành đều đảm bảo cho việc thực hành của người học phù hợp với từng ngành nghề đào tạo và phương pháp tổ chức lớp học hiện tại trong trường. Ngoài ra, nhà trường phối hợp cùng doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đưa HSSV đi thực tập kết hợp đào tạo tại các doanh nghiệp để HSSV tiếp cận thực tế sản xuất.

Như vậy với qui mô gần 500 HSSV/năm, nghề Công nghệ ô tô nhìn chung đảm bảo đủ số lượng trang thiết bị bị máy móc phục vụ đào tạo. Tuy nhiên đối chiếu với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, cao đẳng do Bộ Lao động thương binh và xã hội ban hành nhà trường chưa đáp ứng đủ. (5.2.01 - Danh mục các thiết bị đào tạo; 5.2.01 - Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; 5.1.11 – Hồ sơ quản lý xưởng thực hành; 2.2.02 - Thời khóa biểu năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025; 2.2.03 - Kế hoạch giáo viên năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025)

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến đánh giá từ người học, từ giảng viên... về trang thiết bị phục vụ đào tạo. Báo cáo kết quả khảo sát cho thấy trang thiết bị đào tạo nghề Công nghệ ô tô đáp ứng yêu cầu đào tạo. (2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Các trang thiết bị dụng cụ trong xưởng thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm được các khoa bố trí hợp lý theo từng chủng loại, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành. Việc bố trí hợp lý các trang thiết bị trong xưởng thực hành đã mang lại hiệu quả đáng kể tiết kiệm thời gian vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị và đi lại của giáo viên, học sinh. Để nâng cao công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, Nhà trường còn tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ, giáo viên, HSSV trong trường. *(5.4.01 - Kế hoạch tổ chức tập huấn an toàn lao động, vệ sinh lao động; 5.4.02 - Bài giảng của giáo viên về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 5.4.03 - Hình ảnh buổi tập huấn).*

Bên cạnh đó, các xưởng thực hành được thiết kế xây dựng hợp lý, quản lý tốt nên hoạt động tại các xưởng thực hành luôn đảm bảo an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. *(5.1.12- Sơ đồ bố trí trang thiết bị trong các xưởng thực hành; 5.1.02 - Hình ảnh chụp các xưởng; 5.4.04 - Nội quy xưởng thực hành; 5.4.05 - Báo cáo kiểm tra xưởng, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng và bảo dưỡng phòng học, xưởng thực hành hàng tháng; 5.4.06- Biên bản kiểm tra hoạt động xưởng thực hành; 5.4.07 - Quy trình quản lý xưởng thực hành).*

Qua hồ sơ quản lý thiết bị cho thấy tất cả các máy móc, thiết bị, dụng cụ đều có hồ sơ đầy đủ thể hiện nguồn gốc xuất xứ, nơi sản xuất, năm sản xuất rõ ràng. Thiết bị được giao cho Khoa Cơ giới quản lý và kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng hàng năm *(5.1.11 – Hồ sơ quản lý xưởng thực hành)*

Hàng năm, Khoa lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; tiến hành bảo trì bảo dưỡng và báo cáo về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị thực hành. Đối với những hư hỏng mà Khoa không tự khắc phục được, khoa phối hợp với phòng Tổ chức hành chính thực hiện kiểm tra và đề xuất phương án sửa chữa. Đối với các thiết bị tin học, nhà trường ký hợp đồng với Khoa Công nghệ thông tin để thực hiện bảo trì sửa chữa. Công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị được duy trì thường xuyên theo kế hoạch và quy định góp phần tăng tuổi thọ của thiết bị và khai thác được tối đa công suất của thiết bị. Căn cứ tình hình sử dụng và kết quả kiểm kê tài sản, nhà trường tiến hành thanh lý những thiết bị cũ, hỏng, lạc hậu và lập kế hoạch bổ sung trang thiết bị *(5.2.01 - Danh mục thiết bị đào tạo của Khoa Cơ giới; 5.4.08 - Quyết định ban hành; Quy trình bảo trì, sửa chữa máy móc, thiết bị; 5.4.09 - Quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của nhà sản xuất;; 5.4.10- Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị định kỳ; 5.1.11 – Hồ sơ quản lý xưởng thực hành; 5.4.03 - Báo cáo kiểm tra xưởng, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng và bảo dưỡng phòng học, xưởng thực hành hàng tháng; 5.4.11 - Bảng hướng dẫn sử dụng trang thiết bị; 5.2.03 - Biên bản kiểm kê hàng năm)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Nhà trường căn cứ vào thông tư 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội về việc Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho một số nghề thuộc nhóm nghề công

nghệ, kỹ thuật; nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Từ đó xây dựng định mức trong các hoạt động đào tạo và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; Việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của nghề Công nghệ ô tô dựa trên cơ sở của Thông tư 24/2019TT-BLĐTBXH và được tính đúng, tính đủ để đảm bảo chất lượng của hoạt động đào tạo. **(1.3.06 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024; 1.3.05 – Quyết định ban hành định mức vật tư khoa Cơ giới)**

Trường có quy định về quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư phục vụ công tác đào tạo và được quản lý chặt chẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, Khoa Cơ giới lập dự toán/yêu cầu vật tư theo năm học trình Hiệu trưởng ký duyệt. Phòng Tổ chức-Hành chính chịu trách nhiệm mua sắm vật tư theo yêu cầu và bàn giao cho Khoa quản lý và sử dụng. Việc cấp phát - thu nhận vật tư được lưu trữ trong hồ sơ theo đúng quy định. **(5.5.01 - Quy định về việc quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên, nhiên vật liệu; 1.3.12 - Sổ sách theo dõi cấp phát - thu nhận vật tư, dụng cụ năm 2022, 2023, 2024; 1.3.11 – Phiếu xuất-nhập kho năm 2022, 2023, 2024. 1.3.09 - Dự trữ vật tư của khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024; 1.3.10 - Giấy yêu cầu vật tư; 5.5.02 - Báo cáo đánh giá việc cấp phát-thu nhập thiết bị, vật tư, vật liệu năm 2022, 2023, 2024).**

Trường có một kho chung và tại mỗi xưởng thực hành đều bố trí một kho, khu vực để lưu giữ các hồ sơ, thiết bị, dụng cụ, vật tư thực hành. Kho có đủ các điều kiện về bảo quản, che chắn, điều kiện về ánh sáng, chống ẩm mốc, vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. Hàng năm nhân viên phụ trách kho lập báo cáo về công tác quản lý và sử dụng kho **(5.5.03- Quyết định thành lập các kho và cán bộ phụ trách; 5.5.04 - Hình ảnh các kho lưu trữ; 5.5.05 - Báo cáo hoạt động của kho năm 2022, 2023, 2024)**

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo về việc cấp phát, sử dụng vật tư thực tập. Kết quả khảo sát cho thấy việc cung cấp nguyên vật liệu thực tập đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy. **(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024)).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Hiện nay, Thư viện trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi gồm có 03 phòng với 01 phòng đọc tại nhà xanh, 01 phòng đọc có diện tích 100m² tại cơ sở Thiện

Tân và 01 phòng thư viện điện tử có diện tích 100m² được liên thông với Hội trường 288m² tại nhà E, đang xây dựng thêm 02 phòng thư viện có tổng diện tích 280m² tại nhà A. Thư viện có đủ chủng loại giáo trình, sách báo, tài liệu chuyên môn, tạp chí, luận văn phù hợp với các nghề đào tạo. Hiện nay, thư viện có trên 20 đầu giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô với trên 100 bản in. Phòng thư viện điện tử có 24 máy tính kết nối internet phục vụ nhu cầu tra cứu và học tập của cán bộ, giáo viên và HSSV. **(4.9.01 – Danh mục giáo trình nghề Công nghệ ô tô; 4.9.02 – Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô; 5.6.01- Bản in sách, tài liệu tham khảo; 5.6.02 - Giáo trình, tài liệu tham khảo được số hóa; 5.6.03 Sơ đồ mặt bằng thư viện; 5.6.04 - Biên bản kiểm kê thư viện năm 2022, 2023, 2024)**

Nhà trường có Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ internet băng thông rộng được ký kết với Công ty cổ phần FPT-Chi nhánh Đồng Nai **(5.6.05 – Hợp đồng cung cấp Internet)**. Nhà trường hợp tác xây dựng, phát triển và vận hành thư viện số với Công ty trách nhiệm hữu hạn tài liệu trực tuyến VINA. Thư viện số giúp HSSV tra cứu tài liệu trên trang Web của nhà trường **(5.6.06 – Hợp đồng Thư viện số)**.

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động của thư viện nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan đánh giá cao công tác thư viện của trường. **(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024))**.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Hiện nay, thư viện được đầu tư 24 bộ máy tính có nối mạng Internet, máy photocopy, máy in và các trang thiết bị thư viện khác. Các thiết bị này được bố trí hợp lý trong thư viện để đảm bảo nguyên tắc dễ sử dụng và dễ bảo quản. Hệ thống máy tính hoạt động phục vụ tra cứu giáo trình, tài liệu, sách báo, tạp chí của giáo viên và học sinh trên mạng internet **(1.1.10 - Trang web <http://vcmi.edu.vn>; 5.7.01 - Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện)**.

Phần mềm quản lý thư viện của nhà trường do cán bộ giáo viên khoa Công nghệ thông tin viết và được nghiệm thu bởi Hội đồng khoa học của nhà trường để phục vụ cho việc tra cứu và quản lý tài liệu. Cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu tại thư viện được thể hiện trong phần mềm “Chương trình Quản lý Thư viện Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi” **(5.7.02 - Cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu đang sử dụng tại thư viện; 5.7.03 – Quyết định ban hành nội quy thư viện; 5.7.04 – Hình ảnh thư viện)**. Nhà trường ký kết Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ internet băng thông rộng với nhiều nhà

cung cấp như Công ty cổ phần FPT-Chi nhánh Đồng Nai, công ty Viettel, công ty VNPT **(5.6.05 – Hợp đồng cung cấp Internet)**

Như vậy hệ thống mạng nội bộ, cổng kết nối internet đảm bảo các thiết bị được hoạt động bình thường, thường xuyên hỗ trợ tốt cho các hoạt động của đơn vị **(5.7.05 – Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện hàng năm)**

Hàng năm, nhà trường tổ chức lấy ý kiến của nhà giáo và người học về việc thư viện đáp ứng nhu cầu tra cứu tài liệu. Kết quả cho thấy rằng thư viện đáp ứng được nhu cầu tra cứu tài liệu của giáo viên và học sinh. **(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024);**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Với mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động, ngoài việc đào tạo phương pháp sư phạm, chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên còn chú trọng đến sử dụng các phương tiện dạy học cũng như các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học phục vụ trong giảng dạy nghề Công nghệ ô tô như: phần mềm CAD-CAM, Autocad, SSCNC, Mastercam, sinutrain, inventor, MTS**(5.8.01- Danh mục các phần mềm ảo; 2.4.01- Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi luôn xác định học sinh, sinh viên là nhân vật trung tâm của Nhà trường. Với mục tiêu chung là mọi hoạt động đều hướng về học sinh, sinh viên, tạo môi trường thân thiện cho học sinh, sinh viên được phát triển toàn diện về kiến thức – kỹ năng – thái độ, sau khi tốt nghiệp có việc làm và đáp ứng thị trường lao động. Chính vì vậy các thông tin về khóa học, các điều kiện, yêu cầu của toàn bộ quá trình đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm cập nhật, thông tin đến người học thường xuyên như: nghề đào tạo; chương trình, kế hoạch đào tạo; nội quy, quy định của Nhà trường; Quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp,....

Bên cạnh đó các dịch vụ phục vụ cho người học nghề như: chăm sóc sức khỏe y tế; ký túc xá đảm bảo phục vụ đủ số lượng người học so với quy định; nhà ăn thoáng mát, sạch sẽ, an toàn, giá cả hợp lý, phục vụ tốt cho người học. Giải quyết việc làm sau đào tạo cũng luôn được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi

nhất cho người học có cơ hội tiếp xúc với doanh nghiệp và tìm được việc làm phù hợp.

❖ Những điểm mạnh:

- Hoạt động phổ biến thông tin, tuyên truyền đến người học luôn kịp thời, sâu sát ngay từ khi mới nhập học và cả trong suốt quá trình đào tạo. Qua đó, Nhà trường giới thiệu đến người học những ngành nghề đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo, quyền lợi đối với người học... Phổ biến đầy đủ về chương trình đào tạo, thời khóa biểu, các quy chế đào tạo, quy chế thi, kiểm tra đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp, Quy chế công tác học sinh sinh viên, quy chế đánh giá điểm rèn luyện của học sinh, các nội quy quy định của Nhà trường ...

- Các hoạt động dịch vụ khác như: điều kiện ăn, ở, văn thể mỹ, chăm sóc sức khỏe cho người học luôn được Nhà trường quan tâm thực hiện tốt.

- Nhà trường thường xuyên cập nhật thông tin thị trường lao động để cung cấp cho người học, tổ chức tiếp xúc giữa người học với nhà tuyển dụng, tổ chức cho HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp, tạo điều kiện tối đa cho HSSV có thể tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế từ sớm và thông qua đó các em có thể tự tìm được việc làm cho mình ngay sau khi kết thúc khóa học.

❖ Những tồn tại:

Mối quan hệ giữa Nhà trường với các tổ chức nghề nghiệp, các doanh nghiệp còn hạn chế, do vậy chưa tận dụng khả năng và ưu thế của họ nhằm giúp HSSV có thêm nhiều điều kiện tiếp cận với doanh nghiệp.

❖ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trường sẽ tiếp tục mở rộng tăng cường các mối quan hệ với các doanh nghiệp, với VCCI và các tổ chức nghề nghiệp để thực hiện tốt công tác giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế

kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Đối với HSSV khóa mới, ngay sau khi nhập học nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa để triển khai các thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của nhà trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định, các thông tin trên được khoa Cơ giới và giáo viên chủ nhiệm; phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV phối hợp triển khai thực hiện. Bên cạnh đó phòng công tác HSSV triển khai phát sổ tay HSSV trong đó cung cấp đầy đủ thông tin giới thiệu về trường, các nội quy, quy định, chính sách của nhà nước... **(6.1.01- Kế hoạch hoạt động đầu khóa; 2.5.01 - Quy chế đào tạo; 6.1.02 - Quy trình đánh giá kết quả học tập của HSSV, 2.5.04 - Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV; 6.1.03 – Quy chế công tác HSSV; 6.1.04- Biên bản sinh hoạt lớp; 6.1.05- Sổ tay học HSSV)**

Những chính sách mới dành cho người học được nhà trường cập nhật liên tục và triển khai đến các phòng chức năng, khoa Cơ giới và được giáo viên chủ nhiệm phổ biến đến HSSV vào các giờ sinh hoạt lớp. Đồng thời, cập nhật và đăng tải lên website của trường để tất cả HSSV có thể truy cập: **(1.1.10- [www.http://vcmi.edu.vn](http://vcmi.edu.vn); 6.1.06 - Biên bản sinh hoạt lớp)**

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo về việc cung cấp thông tin cho người học. Kết quả cho thấy nhà trường đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin cần thiết về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của nhà trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người. **(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024);**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; Nghị định 97/2023/NĐ – CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021; Căn cứ quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng chính phủ về chính sách nội trú đối với HSSV học cao đẳng, trung cấp; Thông tư 05/2023/TT – BLĐTBXH ngày

15/06/2023 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội về việc ban hành danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ Trung cấp, cao đẳng... Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã ban hành quy chế miễn, giảm học phí. Theo đó, người học được hưởng đầy đủ chế độ chính sách theo quy định. **(6.2.01 – Quy chế miễn giảm học phí; 6.2.02 - Thông báo nộp hồ sơ miễn giảm học phí; 6.2.03 - Các Quyết định miễn giảm học phí và Danh sách HSSV được miễn giảm học phí theo quy định năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024...)**

Để khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện nhà trường đã ban hành và áp dụng nhiều biện pháp khen thưởng như:

- Các chính sách về học bổng khuyến khích; khen thưởng cho học sinh giỏi các cấp; chi khen thưởng cho HSSV đạt thành tích cao tại các kỳ thi; khen thưởng cho tập thể lớp; khen thưởng HSSV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phong trào; Khen thưởng HSSV tham gia tích cực phong trào xanh hoá trường học, chi hỗ trợ cán bộ lớp được quy định đầy đủ tại quy chế chi tiêu nội bộ của trường hàng năm. **(1.3.06 - Quy chế chi tiêu nội bộ của trường năm 2022, 2023, 2024; 6.2.04 - Quyết định tặng học bổng khuyến khích năm học 2022 – 2023; 2023 - 2024; 6.2.05 - Quyết định khen thưởng HSSV tham gia tích cực hoạt động phong trào năm học 2022 – 2023; 2023 - 2024; 6.2.06 - Quyết định khen thưởng tập thể lớp HSSV xuất sắc năm học 2022 – 2023; 2023 - 2024; 6.2.07 - Khen thưởng HSSV tham gia tích cực phong trào xanh hoá trường học).**

- Các chính sách miễn giảm học phí, lệ phí ký túc xá cho những HSSV thuộc diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, mồ côi, khuyết tật...được thực hiện theo quyết định của Hiệu trưởng: **(6.2.08 - Quyết định miễn giảm học phí cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn năm học 2022 – 2023; 2023 - 2024; 6.2.09 - Quyết định miễn lệ phí ký túc xá cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn năm học 2022 – 2023;**

- Đoàn thanh niên trường trao quà tết cho đoàn viên thanh niên có hoàn cảnh khó khăn **(6.2.10 – Kế hoạch trao quà tết cho đoàn viên thanh niên có hoàn cảnh khó khăn).**

- Ngoài ra người học còn được hưởng các chính sách khác theo quy định của Nhà nước và UBND tỉnh Đồng Nai như chính sách hỗ trợ tiền tết dành cho HSSV dân tộc thiểu số của UBND tỉnh Đồng Nai **(6.2.11 - Danh sách chi tiền tết cho HSSV dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại Đồng Nai;).**

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về việc thực hiện các chế độ chính sách cho người học. Kết quả cho thấy trường đã thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người học. **2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024);**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.3. Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm là đơn vị chức năng trực thuộc trường thực hiện nhiệm vụ tư vấn giới thiệu việc làm cho học sinh – sinh viên sau khi tốt nghiệp. (6.3.01- *Quyết định thành lập Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm*; 6.3.02- *Quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm*).

Hàng năm nhà trường đều tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp, thu thập thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp phối hợp với khoa Cơ giới cung cấp cho HSSV và đăng tải thông tin lên website của trường. (2.3.17 - *Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024)*; 6.3.03 - *Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp*; 1.1.10 - [www.http//vcmi.edu.vn](http://vcmi.edu.vn); 6.3.04 - *website: vieclamdongnai.net*)

Nhà trường thường xuyên liên hệ với các doanh nghiệp để tổ chức cho HSSV đi thực tập và làm việc tại các doanh nghiệp qua đó tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với các nhà tuyển dụng, tạo cơ hội làm việc ngay trong công ty mà mình đang thực tập sau khi tốt nghiệp (2.4.03 - *Hợp đồng, thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong việc tiếp nhận học sinh đi thực tập và làm việc*; 2.4.04- *Quyết định cử học sinh đi thực tập doanh nghiệp*).

Ngoài ra nhà trường còn phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các buổi tư vấn nghề nghiệp và phỏng vấn tuyển dụng HSSV tại trường; mời doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo; đánh giá HSSV tốt nghiệp và tham gia Hội đồng tư vấn nghề, thông qua đó giúp HSSV tiếp cận gần hơn với các yêu cầu từ doanh nghiệp (6.3.05 - *Hình ảnh tư vấn tuyển dụng học sinh-sinh viên*; 6.3.06 - *Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn nghề*; 6.3.07 - *Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn nghề*; 6.3.08 - *Hình ảnh họp Hội đồng tư vấn nghề*; 2.5.08 - *Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp*)

Hàng năm nhà trường phối hợp với trung tâm việc làm tỉnh Đồng Nai tổ chức cho học sinh – sinh viên năm cuối tham gia các sàn giao dịch việc làm. Thông qua các hoạt động tại sàn giao dịch việc làm giúp các em học sinh – sinh viên năm cuối tiếp cận với thông tin của nhà tuyển dụng, làm quen với cách thức phỏng vấn của doanh nghiệp giúp nâng cao kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. (6.3.09- *Thư mời tham gia sàn giao dịch việc làm*; 6.3.10- *Kế hoạch tham gia sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm*; 6.3.11 - *Hình ảnh hoạch tham gia sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm tỉnh Đồng nai*; 6.3.12 - *Báo cáo kết quả hoạt động của Trung tâm HTTS&TVVL năm 2022, 2023, 2024.*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất với nhà thi đấu đa năng để phục vụ việc rèn luyện sức khỏe, thể dục thể thao cũng như giải trí của HSSV và GV; Hội trường lớn với sức chứa gần 250 người.(6.4.01- *Qui hoạch tổng thể khuôn viên*

nhà trường; 5.1.01 - Hồ sơ hoàn công xây dựng các công trình; 6.4.02 - Một số hình ảnh cảnh quan, nhà thi đấu đa năng, hội trường).

Đoàn trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút đông đảo cán bộ, giáo viên và học sinh – sinh viên tham gia như: Tổ chức biểu diễn văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn như Kỷ niệm ngày giải phóng Miền Nam 30/4 và Quốc tế lao động 1/5; chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; Tổ chức Hội khoẻ phù đổng; Tổ chức ngày Sách và văn hoá đọc Việt Nam; Thi vẽ tranh bảo vệ môi trường; Các hoạt động về nguồn thăm quan các địa chỉ đỏ để nâng cao lòng yêu nước và những trải nghiệm sau những giờ học căng thẳng; các hoạt động tình nguyện như thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, trẻ em mồ côi khuyết tật, các hoạt động vệ sinh môi trường, xanh hóa cơ sở đào tạo (*6.4.03- Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ và hình ảnh kèm theo; 6.4.04 - Kế hoạch tổ chức thể dục thể thao; Hội khoẻ phù đổng và hình ảnh kèm theo; 6.4.05 - Kế hoạch tổ chức ngày sách và văn hoá đọc Việt Nam và hình ảnh kèm theo; 6.4.06 - Kế hoạch Tổ chức Hội thi Vẽ tranh bảo vệ môi trường và hình ảnh kèm theo; 6.4.07 - Kế hoạch tổ chức hoạt động về nguồn và hình ảnh kèm theo; 6.4.08 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động tình nguyện và hình ảnh kèm theo...*)

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo về công tác phục vụ đào tạo. Kết quả cho thấy nhà trường thực hiện tốt các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. (*2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024); 2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024))*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Là cơ sở đào tạo có uy tín của địa phương, Nhà trường luôn coi trọng vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo và khẳng định chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển. Với nhận thức trên Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đã chủ động tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐT BXH. Bên cạnh đó nhà trường chủ động tổ chức khảo sát tại các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp cũng như khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động, người học về công tác đào tạo cũng như các chính sách khác nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

❖ Những điểm mạnh:

Trường đã thực hiện tốt công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm. Việc khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người học được thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

❖ Những tồn tại:

Nhà trường tổ chức khảo sát 100% HSSV tốt nghiệp nhưng số lượng phản hồi đạt khoảng 80%.

Số lượng doanh nghiệp tham gia đóng góp xây dựng chương trình, giáo trình chỉ mới giới hạn trong một số doanh nghiệp có quan hệ mật thiết với trường.

❖ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm.
- Khảo sát lấy ý kiến của 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người học đã tốt nghiệp, tổng hợp, phân tích, đánh giá các kết quả khảo sát làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của trường, của Khoa.
- Duy trì, mở rộng và phát huy tốt hơn nữa mối quan hệ với các doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Với mong muốn chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động, nhà trường đã chú

trọng đến tính thực tiễn và sự thay đổi của thị trường lao động bằng sự đóng góp ý kiến của các cán bộ, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp. Hàng năm, Nhà trường lên kế hoạch tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động về chất lượng đào tạo tại trường qua khảo sát lấy ý kiến của các doanh nghiệp. Trường đã nhận được ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, và tiến hành phân tích, tiếp thu đưa vào nội dung sửa đổi chương trình. Qua báo cáo kết quả khảo sát chương trình đào tạo Công nghệ ô tô được đánh giá là đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp cũng như chương trình đào tạo của nhà trường đối với yêu cầu của DN và thực tiễn sản xuất, trong các năm 2022, 2023, 2024 nhà trường đã tổ chức thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp. **(2.4.17 - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024)**

Kết quả khảo sát lần vết đối với người học tốt nghiệp cho thấy năng lực của học sinh, sinh viên nghề Công nghệ ô tô đang làm việc tại doanh nghiệp được DN đánh giá đáp ứng ở mức khá cao, cụ thể:

- Năng lực lý thuyết nghề:

+ Năm 2022: có điểm từ 3.5 – 4.42, trung bình là 4.02

+ Năm 2023: có điểm từ 3.6 – 4.8, trung bình là 4.08

+ Năm 2024: có điểm từ 3.7 – 4.8, trung bình là 4.08

- Năng lực kỹ năng cứng:

+ Năm 2022: có điểm từ 4 – 4.42, trung bình là 4.07

+ Năm 2023: có điểm từ 4 – 4.46, trung bình là 4.28

+ Năm 2024: có điểm từ 4 – 4.6, trung bình là 4.3

- Năng lực kỹ năng mềm:

+ Năm 2022: có điểm từ 3.58 – 4.33, trung bình là 3.98

+ Năm 2023: có điểm từ 3.71 – 4, trung bình là 3.89

+ Năm 2024: có điểm từ 3.8 – 4.25, trung bình là 4.40

- Thái độ làm việc:

+ Năm 2022: có điểm từ 3.67 – 4.33 , trung bình là 3.95

+ Năm 2023: có điểm từ 4 – 4.57 , trung bình là 4.19

+ Năm 2024: có điểm từ 3.92 – 4.25 , trung bình là 4.16

Từ đó cho thấy năng lực của HSSV nghề Công nghệ ô tô sau khi tốt nghiệp đều được doanh nghiệp đánh giá đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp **(2.3.17 - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát**

Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024)).

Khảo sát về sự đáp ứng của chương trình đào tạo với doanh nghiệp:

+ Năm 2022:

STT	Đánh giá chung về chương trình đào tạo	Rất đồng ý		Đồng ý		Phân vân, không chắc chắn		Không đồng ý	
1	Mục tiêu đào tạo của ngành/nghề là rõ ràng và đầy đủ	1	10%	9	90%	0	0%	0	0%
2	Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp	3	30%	7	70%	0	0%	0	0%
3	Thời lượng của chương trình đào tạo là phù hợp	4	40%	6	60%	0	0%	0	0%
4	Chương trình có sự phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	1	10%	8	75%		10%	0	0%
5	Thời lượng thực hành đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp	7	70%	3	30%	0	0%	0	0%
6	Chương trình đào tạo được cấu trúc linh hoạt, hợp lý	5	50%	5	50%	0	0%	0	0%
7	Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	3	30%	6	60%	1	10%	0	0%
8	Các môn học trong chương trình được tổ chức một cách có hệ thống	7	70%	3	30%	0	0%	0	0%
9	Số lượng các môn học/modun trong chương trình là phù hợp	3	30%	5	50%	2	20%	0	0%
10	Cách thức kiểm tra đánh giá cuối môn học/modun là phù hợp	6	60%	4	40%	0	0%	0	0%

STT	Đánh giá chung về chương trình đào tạo	Rất đồng ý		Đồng ý		Phân vân, không chắc chắn		Không đồng ý	
	Tổng		40%		56%		4%		0%

+ Năm 2023:

STT	Đánh giá chung về chương trình đào tạo	Rất đồng ý		Đồng ý		Phân vân, không chắc chắn		Không đồng ý	
1	Mục tiêu đào tạo của ngành/nghề là rõ ràng và đầy đủ	6	60%	4	40%	0	0%	0	0%
2	Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp	2	20%	8	80%	0	0%	0	0%
3	Thời lượng của chương trình đào tạo là phù hợp	7	70%	3	30%	0	0%	0	0%
4	Chương trình có sự phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	1	10%	8	80%	1	80%	0	0%
5	Thời lượng thực hành đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp	4	40%	6	60%	0	0%	0	0%
6	Chương trình đào tạo được cấu trúc linh hoạt, hợp lý	4	40%	6	60%	0	0%	0	0%
7	Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	2	20%	7	70%	1	10%	0	0%
8	Các môn học trong chương trình được tổ chức một cách có hệ thống	7	70%	3	30%	0	0%	0	0%

STT	Đánh giá chung về chương trình đào tạo	Rất đồng ý		Đồng ý		Phân vân, không chắc chắn		Không đồng ý	
9	Số lượng các môn học/modun trong chương trình là phù hợp	3	30%	5	50%	2	20%	0	0%
10	Cách thức kiểm tra đánh giá cuối môn học/modun là phù hợp	7	70%	3	30%	0	0%	0	0%
	Tổng		43%		53%		4%		0%

+ Năm 2024:

STT	Đánh giá chung về chương trình đào tạo	Rất đồng ý		Đồng ý		Phân vân, không chắc chắn		Không đồng ý	
1	Mục tiêu đào tạo của ngành/nghề là rõ ràng và đầy đủ	5	50%	5	50%	0	0%	0	0%
2	Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp	6	60%	4	40%	0	0%	0	0%
3	Thời lượng của chương trình đào tạo là phù hợp	5	50%	5	50%	0	0%	0	0%
4	Chương trình có sự phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	0	0%	08	80%	2	20%	0	0%
5	Thời lượng thực hành đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp	1	10%	8	80%	1	10%	0	0%
6	Chương trình đào tạo được cấu trúc linh hoạt, hợp lý	0	0%	9	90%		10%	0	0%

STT	Đánh giá chung về chương trình đào tạo	Rất đồng ý		Đồng ý		Phân vân, không chắc chắn		Không đồng ý	
7	Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	3	30%	6	60%	1	10%	0	0%
8	Các môn học trong chương trình được tổ chức một cách có hệ thống	6	60%	4	40%	0	0%	0	0%
9	Số lượng các môn học/modun trong chương trình là phù hợp	2	20%	6	60%	2	20%	0	0%
10	Cách thức kiểm tra đánh giá cuối môn học/modun là phù hợp	5	50%	5	50%	0	0%	0	0%
	Tổng		33%		60%		7%		0%

Từ đó cho thấy chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp (**2.4.17 - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024)**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Công tác điều tra khảo sát lần vết HSSV đã tốt nghiệp được nhà trường tiến hành định kỳ hàng năm.

Năm 2022, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 163/163 học sinh nghề Công nghệ ô tô (Khóa 38 tốt nghiệp năm 2021). Số HSSV trả lời khảo sát là 163 (đạt tỷ lệ 100%). Trong đó tỉ lệ học sinh có việc làm đúng ngành nghề đào tạo sau 6 tháng tốt nghiệp là 121/143 (đạt tỉ lệ 84.6%); số liệu khảo sát cụ thể như sau:

Nghề đào tạo	Có liên quan	Liên quan một phần
--------------	--------------	--------------------

	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Công nghệ ô tô	121	84.6%	08	5.6%

Năm 2023, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 224/224 học sinh nghề Công nghệ ô tô (Khóa 39 tốt nghiệp năm 2022). Số HSSV trả lời khảo sát là 224 (đạt tỷ lệ 100%). Trong đó tỉ lệ học sinh có việc làm đúng ngành nghề đào tạo sau 6 tháng tốt nghiệp là 192/213 (đạt tỉ lệ 90.1%); số liệu khảo sát cụ thể như sau:

Nghề đào tạo	Có liên quan		Liên quan một phần	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Công nghệ ô tô	192	90.1%	13	6.1%

Năm 2024, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 170/170 học sinh nghề Công nghệ ô tô (Khóa 40 tốt nghiệp năm 2023). Số HSSV trả lời khảo sát là 170 (đạt tỷ lệ 100%). Trong đó tỉ lệ học sinh có việc làm đúng ngành nghề đào tạo sau 6 tháng tốt nghiệp là 136/154 (đạt tỉ lệ 88.3%); số liệu khảo sát cụ thể như sau:

Nghề đào tạo	Có liên quan		Liên quan một phần	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Công nghệ ô tô	136	88.3%	12	7.8%

(2.5.14- Quyết định tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 2.3.19 - Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023 (Gồm: Kế hoạch khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Báo cáo kết quả khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023)

Như vậy, trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp 100% học sinh được khảo sát đối với nghề Công nghệ ô tô có trên 80% có việc làm phù hợp với nghề đã học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Để đảm bảo chất lượng của mọi hoạt động trong trường, hàng năm Trường đã lập kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, công tác cán bộ, công tác đánh giá phân loại viên chức... *(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023,*

2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024)

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết cán bộ quản lý, nhà giáo, cho rằng các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của nhà trường phù hợp với thực tế của nhà trường **(2.3.16 - Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV năm 2022, 2023, 2024)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Bên cạnh việc thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, Nhà trường còn lấy ý kiến từ người học để đánh giá chất lượng đào tạo và các chính sách liên quan. Kết quả khảo sát cho thấy người học đánh giá cao công tác đào tạo và phục vụ của nhà trường. Các chính sách của nhà nước đối với người học nghề được nhà trường thực hiện đầy đủ và có nhiều chính sách thiết thực khuyến khích và hỗ trợ người học. **(2.3.18 - Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024); 5.2.09 – Thống kê số người học nghề Công nghệ ô tô hàng năm).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định

Trường Cao đẳng CG&TL đã được đánh giá ngoài chất lượng cơ sở GDNN 3 lần vào các năm năm 2010, 2015 và 2020. Kết quả, Nhà trường đều đạt cấp độ 3 và được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. **(7.5.01 - Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng)**

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hàng năm Phòng Khảo thí và KĐCL có trách nhiệm lập kế hoạch, chủ trì triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá chương trình đào tạo các nghề trọng điểm. Kết quả tự đánh giá chất lượng nhà trường và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm được báo cáo Hiệu trưởng, các cơ quan chức năng và công bố công khai trong toàn trường **(7.5.02 - Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 7.5.03 - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Công nghệ ô tô năm 2022, 2023)**. Ngoài ra, trước ngày 25/12 hàng năm nhà trường đã thực hiện báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng và báo cáo tự đánh giá chất lượng hàng năm theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và xã

hội tại thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. (7.5.05 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2021, 2022, 2023; 7.5.06 - Báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2021, 2022, 2023)

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, TCGDNN ban hành công văn 1982 lựa chọn nhà trường tham gia thí điểm đánh giá theo tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao. Sau 1 tháng làm việc khẩn trương, nghiêm túc Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá chất lượng theo tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao với kết quả đạt 91/100 điểm. Từ ngày 25 đến ngày 27/11/2019 đoàn đánh giá ngoài của TCGDNN đã khảo sát thực tế tại trường, kết quả đoàn đánh giá nhà trường đạt 87/100 điểm, đạt tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao (7.5.07- Công văn 1982/TCGDNN-CTMT ngày 30/09/2019; 7.5.08- Quyết định thành lập Hội đồng thí điểm tự đánh giá theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao; 7.5.09 - Kế hoạch thực hiện thí điểm tự đánh giá theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao; 7.5.10 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao).

Năm 2022, Tổng cục GDNN đã ban hành văn bản số 2311/TCGDNN-KĐCL ngày 24/10/2022 về việc đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao năm 2022. Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi là một trong 10 trường cao đẳng trên cả nước được Tổng cục GDNN lựa chọn triển khai, đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao. Tuy nhiên, do một số thay đổi nên việc đánh giá hiện nay vẫn chưa thực hiện và đang chờ ý kiến chỉ đạo của Tổng cục GDNN. (7.5.11 - Công văn số 2311/TCGDNN-KĐCL ngày 24/10/2022 về việc đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao năm 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài

Căn cứ kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm, Phòng Khảo thí và KĐCL phối hợp với các đơn vị tham mưu Ban Giám hiệu lên kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng như cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề; tập huấn nâng cao chuyên môn; cử giáo viên tham gia học tập và bồi dưỡng tại nước ngoài; cử giáo viên thăm quan/thực tập tại doanh nghiệp; mua sắm trang thiết bị đào tạo; bổ sung cơ sở vật chất... (7.6.01 - Kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm; 5.3.03-Quyết định cử giáo viên đi học tập tại nước ngoài; 3.6.03 -Quyết định cử giáo viên đi thực tập doanh nghiệp; 2.3.09 -Các kế hoạch triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong công tác đào tạo; 7.6.02 - Các hợp đồng / tài liệu xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo

Trường đã thực hiện tiến hành điều tra lần vết đối với học sinh, sinh viên (HSSV) theo Hướng dẫn của Cơ quan hợp tác quốc tế Đức GIZ và Cục Kiểm định và đảm bảo chất lượng – Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Cụ thể: trường thực hiện khảo sát lần vết năm 2022 (146/146 HSSV), 2023 (224/224 HSSV), *(7.7.01 - Biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp 2021, 2022. 7.7.02 - Quyết định công nhận tốt nghiệp 2021, 2022)*. Kết quả khảo sát lần vết cho thấy trên 80% HSSV nghề Công nghệ ô tô đã tìm được việc làm phù hợp với ngành, nghề đã được đào tạo. *(2.3.19 - Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023 (Gồm: Kế hoạch khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023; Báo cáo kết quả khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023)*

Như vậy, trường đáp ứng được yêu cầu có trên 80% tổng số học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Để đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của HSSV sau khi tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, Trường đã thực hiện tiến hành khảo sát lấy ý kiến của doanh nghiệp có HSSV của trường đang làm việc. *(2.3.17 - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024)*

Kết quả khảo sát sự hài lòng của doanh nghiệp đối với HSSV học nghề Công nghệ ô tô đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị như sau:

- Năm 2022: 58% doanh nghiệp phần lớn hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị. 42% doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị.

- Năm 2023: 56% doanh nghiệp phần lớn hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị. 44% doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị.

- Năm 2024: 66% doanh nghiệp phần lớn hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị. 34% doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người học đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị.

Từ đó cho thấy trên 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của HSSV nghề

Công nghệ ô tô đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị. (**2.3.17** - Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024 (Gồm: Kế hoạch khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Đường link thực hiện khảo sát/Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tăng cường huy động mọi nguồn lực để tập trung phát triển trường trở thành trường Xanh chất lượng cao vào năm 2025. Tiếp tục đầu tư mới, nâng cấp hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực tập, khu làm việc ngày càng đồng bộ, hiện đại để đạt chuẩn trường chất lượng cao. Đặc biệt tập trung cho nghề trọng điểm đã được Bộ và Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá và định kỳ rà soát các công cụ quản lý để có những điều chỉnh phù hợp. Tiếp tục rà soát, cập nhật chương trình, giáo trình phù hợp với thực tế sản xuất. Thực hiện tốt công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hàng năm.

- Trường sẽ tiếp tục tăng cường liên kết với doanh nghiệp và huy động doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo của trường. Đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ giáo viên Nhà trường

- Trường sẽ tiếp tục mở rộng tăng cường các mối quan hệ với các doanh nghiệp, với VCCI và các tổ chức nghề nghiệp để thực hiện tốt công tác giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, giáo viên.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Kiến nghị Tổng cục GDNN tiếp tục hỗ trợ trường đào tạo cán bộ, giáo viên; chuyên gia và giúp Nhà trường thực hiện đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng.

- Đề nghị Tổng cục GDNN là cầu nối để Nhà trường tiếp cận và mở rộng mối quan hệ ba bên giữa: Nhà trường - Doanh nghiệp - các Hiệp hội nghề nghiệp/VCCI trong các hoạt động đào tạo; tạo điều kiện cho trường mở rộng các mối quan hệ quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nghề.

- Hỗ trợ Nhà trường trong công tác đào tạo cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn trình độ quốc tế đối với các nghề trọng điểm; Hỗ trợ Nhà trường trong công tác đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị; đầu tư số hóa, mô phỏng hóa đối với các nghề trọng điểm. Đặc biệt là hỗ trợ trường đầu tư xây dựng trường thành trung tâm đào tạo nghề Xanh xuất sắc do cơ quan hợp tác quốc tế Đức (GIZ) tài trợ.

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG CĐ CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /QĐ-GC&TL

Đồng Nai, ngày tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(V/v thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI

- Căn cứ Quyết định số 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Cơ giới & Thủy lợi;

- Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

- Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xét đề nghị của Trường Khoa Cơ giới;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ ô tô của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi năm 2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Công nghệ ô tô có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị/cá nhân có nhiệm vụ thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Công nghệ ô tô.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Công nghệ ô tô.

- Đề xuất các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng nghề Công nghệ ô tô.

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Công nghệ ô tô và gửi báo cáo kết quả về Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Đồng Nai và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trước ngày 25/12/2024

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Nhà trường.

Quyền lợi: Được hưởng các quyền lợi theo quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của Nhà trường.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu VT, KĐ.



NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ**
(Kèm theo QĐ số: /QĐ-CG&TL ngày tháng 04 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thành phần
1	Ông Nguyễn Văn Chương	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Phạm Duy Đông	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thứ I
3	Ông Đỗ Cao Nguyên	TK. Cơ giới	Phó chủ tịch thứ II
4	Bà Nguyễn Thị Hồi	TP. Khảo thí và KĐCL	Thư ký
5	Bà Lê Minh Nguyệt	TP. Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
6	Ông Phạm Ngọc Tuyền	TP. Đào tạo	Ủy viên
7	Ông Nguyễn Đức Thọ	TP. Công tác HSSV	Ủy viên
8	Bà Trần Thị Hạnh	TP. Tài chính – Kế toán	Ủy viên
9	Ông Nguyễn Xuân Thẩm	PTK. Cơ giới	Ủy viên
10	Ông Phạm Xuân Huyền	Giáo viên khoa Cơ giới	Ủy viên
11	Ông Cao Văn Tuyền	Giáo viên khoa Cơ giới	Ủy viên
12	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Công ty TNHH Ford Biên Hoà	Ủy viên
13	Ông Mai Đức Dân	Công ty TNHH Thông Thuận Thành	Ủy viên

1. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG CĐ CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /KH-CG&TL

Đồng Nai, ngày tháng 04 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
nghề Công nghệ ô tô - năm 2024

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nghề Công nghệ ô tô dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt được của nghề Công nghệ ô tô qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng thực hiện theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã hội.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 23/03/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Công nghệ ô tô.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong Trường và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô:

- Hướng dẫn, phối hợp Khoa Cơ giới thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô;
- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường;

4.2. Đối với Khoa Cơ giới và Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng

- Khoa Cơ giới, Phòng Khảo thí và KĐCL là 2 đơn vị chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô;
- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; mô tả, phân tích, đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn; chỉ rõ các điểm mạnh, điểm tồn tại, nguyên nhân và kế hoạch nâng cao chất lượng.
- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định tại Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ lao động-Thương binh và Xã hội.
- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị có liên quan để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

4.3. Đối với các đơn vị trực thuộc trường:

- Thu thập thông tin, minh chứng theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT có liên quan đến đơn vị mình và cung cấp cho Phòng Khảo thí và KĐCL theo dõi, tổng hợp.

5. Phân bổ các đơn vị trực thuộc Trường thực hiện thu nhập minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu theo tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Cơ giới, Phòng CTHSSV
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Cơ giới, phòng TCHC
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Cơ giới, Phòng Tài chính kế toán
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng đào tạo, Khoa Cơ giới

3	Tiêu chuẩn 3	Phòng đào tạo, Khoa Cơ giới
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng đào tạo, Khoa Cơ giới
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng đào tạo, Phòng Khảo thí và KĐCL
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng đào tạo, Phòng Khảo thí và KĐCL
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng đào tạo, Khoa Cơ giới
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng TCHC, Khoa Cơ giới
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng TCHC, Khoa Cơ giới
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo, Khoa Cơ giới
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Cơ giới, Phòng Khoa học và HTQT
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng TCHC, Khoa Cơ giới
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng TCHC, Khoa Cơ giới
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng TCHC, Khoa Cơ giới
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng TCHC, Khoa Cơ giới
IV	Tiêu chí 4: Chương trình giáo trình	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo, Khoa Cơ giới
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo, Khoa Cơ giới
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Cơ giới
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Cơ giới
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Cơ giới
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Cơ giới
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Cơ giới
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Cơ giới
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Đào tạo, Khoa Cơ giới
10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Đào tạo, Cơ giới
11	Tiêu chuẩn 11	Khoa Cơ giới
12	Tiêu chuẩn 12	Khoa Cơ giới
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng TCHC, Khoa Cơ giới
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng TCHC, Khoa Cơ giới
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng TCHC, Khoa Cơ giới
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Cơ giới

5	Tiêu chuẩn 5	Phòng TCHC, Khoa Cơ giới
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo, Khoa Cơ giới
VI	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng CTHSSV, Khoa Cơ giới
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng CTHSSV, Khoa Cơ giới
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng CTHSSV, Khoa Cơ giới
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng CTHSSV, Khoa Cơ giới
VII	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Khảo thí và ĐBCL, Khoa Cơ giới
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Khảo thí và ĐBCL, Khoa Cơ giới
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Khảo thí và ĐBCL, Khoa Cơ giới
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Khảo thí và ĐBCL, Khoa Cơ giới
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Khảo thí và ĐBCL, Khoa Cơ giới
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo, Phòng khảo thí và ĐBCL, Khoa Cơ giới
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Khảo thí và ĐBCL, Khoa Cơ giới
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Khảo thí và ĐBCL, Khoa Cơ giới

6. Phân công thực hiện

TT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chuẩn phụ trách	Thành viên Hội đồng phụ trách
1	Khoa Cơ giới	1.1, 1.2, 1.3, 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.6, 3.8, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8, 4.9, 4.10, 4.11, 4.12, 5.1, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 6.1, 6.2, 6.3, 7.6, 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8	Đỗ Cao Nguyên
2	Phòng Tổ chức hành chính	3.1, 3.2, 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 5.1, 5.2, 5.3, 5.5	Lê Minh Nguyệt

3	Phòng Đào tạo	2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 3.3, 4.1, 4.2, 4.3, 5.6, 5.7, 5.8	Phạm Ngọc Tuyền
4	Phòng Công tác HSSV	6.1, 6.2, 6.3, 6.4	Nguyễn Đức Thọ
5	Phòng khảo thí và KĐCL	2.6, 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8	Nguyễn Thị Hồi

7. Nội dung công việc - thời gian thực hiện

Thời gian	Công việc	Đơn vị thực hiện
Ngày 08/04/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT. - Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT. - Phân công thành viên Hội đồng TĐG phụ trách theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định. 	Hội đồng TĐG
Từ ngày 08/04/2024 đến ngày 08/07/2024	Các đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công (xây dựng kế hoạch; phân công nhiệm vụ cho các thành viên; thu thập và tổng hợp minh chứng; viết dự thảo báo cáo TĐG gửi Hội đồng TĐG chất lượng của trường).	Các đơn vị Các thành viên HĐ
Từ ngày 08/07/2024 đến ngày 15/08/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp dự thảo báo cáo của các đơn vị và gửi thành viên HĐ TĐG phụ trách góp ý dự thảo báo cáo. - Các đơn vị hoàn thiện báo cáo, bổ sung minh chứng và gửi cho Hội đồng TĐG. 	Các đơn vị Các thành viên HĐ
Từ ngày 15/08/2024 đến ngày 15/09/2024	<p>Họp HĐTĐG: Đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung báo cáo, các thông tin liên quan - Sự phù hợp của minh chứng - Các điểm mạnh, điểm tồn tại, nguyên nhân và kế hoạch khắc 	Các thành viên HĐ

Thời gian	Công việc	Đơn vị thực hiện
	phục	
Từ ngày 15/09/2024 đến ngày 15/10/2024	Tổng hợp kết quả, hoàn thiện dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT	Thư ký HĐ
Ngày 15/10/2024	Họp Hội đồng TĐG chất lượng của Trường để thông qua dự thảo báo cáo TĐG	Các thành viên HĐ
Từ ngày 15/10/2024 đến ngày 31/10/2024	Gửi dự thảo báo cáo đến các đơn vị trong trường để lấy ý kiến đóng góp	Thư ký HĐ
Từ ngày 31/10/2024 đến ngày 05/11/2024	- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá của trường - Trình Hiệu trưởng phê duyệt. - Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá	Thư ký HĐ
Từ ngày 30/11/2024 đến ngày 04/12/2024	- Dự kiến thực hiện đánh giá ngoài	Hội đồng tự đánh giá

8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường năm 2024 là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (Để chỉ đạo)
- Các đơn vị (để thực hiện)
- Lưu VT, KĐ.



Nguyễn Văn Chương

Mẫu 3. BẢNG MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1.1	1.1.01		Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024
2			1.1.02		Quyết định số 244/QĐ-CG< ngày 20/07/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; chương trình chi tiết kèm theo
3			1.1.03		Báo cáo nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022, 2023, 2024
4			1.1.04		Quyết định 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy Lợi
5			1.1.05		Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đến năm 2030
6				1.1.01	Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024
7				1.1.02	Quyết định số 244/QĐ-CG< ngày 20/07/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
8			1.1.06		Quyết định số 1836/QĐ-LĐTĐ ngày 27/11/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
9				1.1.03	Báo cáo nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022, 2023, 2024
10			1.1.07		Hợp đồng đào tạo với Sở Lao động TBXH Đồng Nai năm 2022
11			1.1.08		Các thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp
12			1.1.09		Báo cáo khảo sát doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
13			1.1.10		Website http://vcmi.edu.vn
14			1.1.11		Poster của trường Cao đẳng Cơ giới và thủy lợi
15				1.1.01	Quyết định số 547a/QĐ-CG< ngày 11/08/2020 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
16				1.1.02	Quyết định số 244/QĐ-CG< ngày 20/07/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
17			1.1.12		Báo cáo khảo sát các bên liên quan
18		1.2		1.1.04	Quyết định số 4228/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/10/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi
19			1.2.01		Quyết định số 669/QĐ-CG&TL ngày 15/11/2018 qui định chức năng, nhiệm vụ Khoa Cơ giới.
20			1.2.02		Báo cáo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
21			1.2.03		Báo cáo tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
22			1.2.04		Quyết định mở lớp nghề Công nghệ ô tô năm 2022, 2023, 2024
23			1.2.05		Báo cáo tổng kết hoạt động Khoa Cơ giới năm 2021, 2022, 2023

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
24			1.2.06		Các quyết định khen thưởng của tập thể, cá nhân cán bộ giáo viên khoa Cơ giới
25			1.2.07		kết quả bình xét thi đua, khen thưởng năm học 2021 – 2022; 2022 – 2023; 2023 - 2024
26		1.3	1.3.01		Quyết định giao dự toán thu chi NSNN năm 2021, 2022, 2023
27			1.3.02		Quyết định mức thu học phí năm 2022, 2023, 2024
28				1.1.07	Hợp đồng đào tạo nghề với Sở LĐTBXH Đồng Nai năm 2022
29			1.3.03		Hợp đồng đào tạo với các công ty, doanh nghiệp
30			1.3.04		Quyết định số 63/QĐ-CG&TL ngày 10/02/2020 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho các nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
31			1.3.05		Quyết định ban hành định mức vật tư khoa Cơ giới
32			1.3.06		Qui chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024
33			1.3.07		Bảng thống kê nguồn thu của trường
34			1.3.08		Biên bản, báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2021 - 2022, 2022 – 2023; 2023 - 2024
35			1.3.09		Dự trù vật tư khoa Cơ giới năm học 2021 – 2022; 2022 – 2023; 2023 – 2024
36			1.3.10		Giấy yêu cầu vật tư của khoa Cơ giới năm học 2021 – 2022; 2022 – 2023; 2023 – 2024
37			1.3.11		Phiếu xuất, nhập kho của khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
38			1.3.12		Sổ theo dõi cấp phát – thu nhận vật tư, dụng cụ của khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024
39	2	2.1	2.1.01		Quy chế tuyển sinh năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024;2024 - 2025
40			2.1.02		Quy trình tuyển sinh
41			2.1.03		Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp &PTNT năm 2022, 2023, 2024
42			2.1.04		Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của UBND tỉnh Đồng Nai năm 2022, 2023, 2024
43			2.1.05		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
44			2.1.06		Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành nghề đào tạo năm 2022, 2023, 2024
45			2.1.07		Kế hoạch tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
46			2.1.08		Thông báo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
47			2.1.09		Các tờ rơi tuyển sinh
48				1.1.10	Trang web http://vcmi.edu.vn
49			2.1.10		Biên bản họp Hội đồng xét tuyển và danh sách trúng tuyển năm 2022, 2023, 2024
50				1.2.02	Báo cáo tuyển sinh các năm 2022, 2023, 2024
51			2.1.11		Giấy báo nhập học
52			2.1.12		Một số hình ảnh về ngày nhập học
53				1.2.04	Quyết định mở lớp nghề Công nghệ ô tô năm 2022, 2023, 2024
54			2.1.13		Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
55				2.1.10	Biên bản họp hội đồng xét tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
56		2.2	2.2.01		Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025
57			2.2.02		Thời khóa biểu năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025
58			2.2.03		Kế hoạch giáo viên năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025
59			2.2.04		Lịch trình giảng dạy
60			2.2.05		Giáo án giảng dạy
61			2.2.06		Sổ tay giáo viên
62			2.2.07		Sổ lên lớp
63			2.2.08		Quy trình Thanh kiểm tra công tác đào tạo
64			2.2.09		Bộ thanh kiểm tra hoạt động đào tạo và quy chế đào tạo năm học 2022, 2023, 2024
65			2.2.10		Kế hoạch tổ chức thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS năm 2023
66			2.2.11		Kế hoạch hội giảng năm 2022
67			2.2.12		Kết quả hội giảng năm 2022, 2023
68			2.2.13		Dự trữ vật tư thực tập
69			2.2.14		Hợp đồng cung cấp thiết bị; Thanh lý hợp đồng cung cấp thiết bị
70			2.2.15		Báo cáo tổng kết năm 2022, 2023
71		2.3		2.2.01	Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo năm học 2022 – 2023; 2023 – 2024; 2024 - 2025
72				2.2.03	Kế hoạch giáo viên năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
73				2.2.05	Giáo án giảng dạy
74				2.2.06	Sổ tay giáo viên
75				2.2.07	Sổ lên lớp
76			2.3.01		Kế hoạch hội giảng Khoa Cơ giới năm 2022
77			2.3.02		Hồ sơ bài giảng
78			2.3.03		Phiếu đánh giá của Ban Giám khảo hội giảng cấp trường 2022
79			2.3.04		Video, hình ảnh các tiết dạy của giáo viên
80			2.3.05		Kế hoạch tổ chức thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS năm 2023
81			2.3.06		Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong cuộc thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS năm 2023
82			2.3.07		Quyết định khen thưởng giáo viên đạt thành tích cao trong các kỳ Hội giảng
83			2.3.08		Danh sách và quyết định khen thưởng HSSV tham gia các kỳ thi tay nghề giỏi các cấp
84			2.3.09		Các kế hoạch triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong công tác đào tạo
85			2.3.10		Bài giảng điện tử
86			2.3.11		Phần mềm dạy học
87			2.3.12		Phần mềm quản trị số
88			2.3.13		Nền tảng dạy học trực tuyến LMS
89				2.2.09	Bộ thanh kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
90				2.3.07	Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong các kỳ hội giảng các cấp
91				1.2.05	Báo cáo tổng kết hoạt động của khoa Cơ giới năm 2022, 2023
92			2.3.14		Phần mềm quản lý đào tạo CSSTrai
93			2.3.15		Hợp đồng nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo CSSTrai hàng năm
94			2.3.16		Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
95			2.3.17		Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
96			2.3.18		Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
97			2.3.19		Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023
98	2.4		2.4.01		Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022
99			2.4.02		Đề cương chi tiết học phần Thực tập tốt nghiệp
100			2.4.03		Thoả thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp
101			2.4.04		Quyết định cử HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp
102			2.4.05		Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập tại doanh nghiệp
103			2.4.06		Báo cáo kết quả thực tập của HSSV tại các doanh nghiệp
104			2.4.07		Phiếu đánh giá quá trình thực tập của HSSV tại doanh nghiệp
105			2.4.08		Danh sách người học tốt nghiệp
106	2.5		2.5.01		Quy chế đào tạo
107			2.5.02		Quy trình thi tổ chức thi tốt nghiệp
108			2.5.03		Quy trình thi kết thúc modul/môn học
109			2.5.04		Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
110			2.5.05		Quy định về mẫu bằng Trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng
111			2.5.06		Quy trình cấp phát văn bằng chứng chỉ
112			2.5.07		Kế hoạch thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
113			2.5.08		Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
114			2.5.09		Quyết định thành lập Ban Đề thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
115			2.5.10		Quyết định thành lập Ban chấm thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
116			2.5.11		Quyết định thành lập Ban coi thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
117			2.5.12		Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
118			2.5.13		Kế hoạch phân công giáo viên coi thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
119			2.5.14		Biên bản phòng thi, xưởng thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
120			2.5.15		Biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
121			2.5.16		Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
122			2.5.17		Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ
123		2.6		2.2.09	Bộ thanh kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2022, 2023, 2024
124				2.2.03	Kế hoạch giáo viên năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025
125				2.2.04	Lịch trình giảng dạy
126				2.2.05	Giáo án giảng dạy
127				2.2.06	Sổ tay giáo viên
128				2.2.07	Sổ lên lớp
129				2.3.01	Kế hoạch hội giảng Khoa Cơ giới năm 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
130				2.3.05	Kế hoạch tổ chức thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS năm 2023
131				2.3.06	Quyết định khen thưởng giáo viên có thành tích cao trong cuộc thi thiết kế bài giảng trên nền tảng dạy học trực tuyến LMS năm 2023
132				2.3.07	Quyết định khen thưởng giáo viên đạt thành tích cao trong các kỳ Hội giảng
133			2.6.01		Báo cáo thanh kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2022, 2023, 2024
134				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
135				1.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
136		2.7	2.7.01		Quy chế đào tạo liên thông
137			2.7.02		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 35/2018/GCNĐKHĐ-TCGDNN
138			2.7.03		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung số 35a/2019/GCNĐKHĐBS-TCGDNN
139				2.1.03	Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2022, 2023, 2024
140			2.7.04		Quyết định ban hành các chương trình đào tạo liên thông
141			2.7.05		Biên bản thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo liên thông
142			2.7.06		Biên bản họp hội đồng rà soát, chỉnh sửa chương trình liên thông
143			2.7.07		Biên bản họp xét tuyển sinh và danh sách trúng tuyển Liên thông năm 2022, 2023, 2024
144				2.1.08	Thông báo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
145			2.7.08		Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển 2022, 2023, 2024
146			2.7.09		Quyết định mở các lớp liên thông 2022, 2023, 2024
147			2.7.10		Kế hoạch đào tạo các lớp liên thông 2022, 2023, 2024
148			2.7.11		Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp liên thông 2022, 2023, 2024
149			2.7.12		Quyết định công nhận tốt nghiệp cho HSSV hệ Liên thông Cao đẳng
150			2.7.13		Báo cáo tốt nghiệp liên thông các năm 2022, 2023
151			2.7.14		Các biên bản họp về đào tạo liên thông 2022, 2023, 2024
152			2.7.15		Báo cáo về việc tổ chức đào tạo liên thông các năm 2022, 2023, 2024
153	3	3.1	3.1.01		Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024
154			3.1.02		Hồ sơ quản lý giáo viên
155			3.1.03		Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng của Tổ chức GIZ
156			3.1.04		Các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn quốc tế
157				1.2.05	Báo cáo tổng kết hoạt động khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024
158			3.1.05		Phiếu tự đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo;
159			3.1.06		Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024
160		3.2	3.2.01		Báo cáo tổng hợp ABC hàng tháng của Khoa Cơ giới
161				3.1.01	Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024
162				3.1.02	Hồ sơ quản lý giáo viên
163			3.2.02		Bản tự đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động năm 2022, 2023

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
164				1.2.05	Báo cáo tổng kết hoạt động khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024
165				1.2.06	Các quyết định khen thưởng hàng năm
166		3.3		3.1.01	Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên Khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024
167				2.2.01	Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025
168				2.2.02	Thời khóa biểu năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025
169				2.2.03	Kế hoạch giáo viên năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025
170			3.3.01		Danh sách HSSV học nghề Công nghệ ô tô hàng năm
171				1.3.06	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024
172				3.1.01	Danh sách trích ngang cán bộ giáo viên Khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024
173			3.3.02		Bảng thống kê tỷ lệ qui đổi người học/nhà giáo năm 2022, 2023, 2024
174		3.4		1.3.06	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024
175			3.4.01		Qui định quản lý đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cấp cơ sở
176			3.4.02		Quy chế thi đua khen thưởng
177			3.4.03		Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề
178			3.4.04		Danh sách nhà giáo giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các Hội thi tay nghề giỏi, Hội thi thết bị tự làm
179			3.4.05		Sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học
180			3.4.06		Biên bản nghiệm thu sáng kiến kinh nghiệm, đề tài NCKH

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
181				1.2.06	Quyết định khen thưởng
182			3.4.07		Hình ảnh các Hội thi
183		3.5	3.5.01		Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức
184			3.5.02		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên năm 2022, 2023, 2024
185			3.5.03		Các quyết định cử cán bộ giáo viên học nâng cao trình độ chuyên môn /Các quyết định cử giáo viên đi học ở nước ngoài
186			3.5.04		Hình ảnh về việc nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng hàng năm
187			3.5.05		Báo cáo kết thúc khóa học bồi dưỡng của giáo viên
188				3.1.04	Chứng chỉ học tập bồi dưỡng của giáo viên
189		3.6		3.4.03	Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu dạy chuyên ngành
190			3.6.01		Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại doanh nghiệp
191			3.6.02		Hợp đồng/thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp
192			3.6.03		Quyết định cử giáo viên đi thực tập tại các doanh nghiệp
193			3.6.04		Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên
194				3.5.05	Báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý
195		3.7	3.7.01		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý khoa Cơ giới
196			3.7.02		Hồ sơ cán bộ khoa Cơ giới
197			3.7.03		Danh sách trích ngang nhân viên của phòng Đào tạo
198			3.7.04		Hồ sơ nhân viên Phòng Đào tạo
199		3.8		3.7.01	Danh sách trích ngang cán bộ quản lý khoa Cơ giới

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
200				3.2.02	Bản tự đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024
201				3.1.06	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa Cơ khí năm 2022, 2023, 2024
202				1.2.07	Thông báo kết quả bình xét thi đua và hình thức khen thưởng năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024
203			3.8.01		Bằng khen, giấy khen của cán bộ quản lý
204				2.3.07	Bằng khen của giáo viên đạt được qua các kỳ thi, hội thi hàng năm
205				2.2.15	Báo cáo tổng kết năm 2022, 2023, 2024
206	4	4.1	4.1.01		Kế hoạch Rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, liên thông cao đẳng, trung cấp năm 2024, 2022
207			4.1.02		Quyết định thành lập các tiểu ban rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2024, 2022
208			4.1.03		Biên bản họp tiểu ban xây dựng, chỉnh sửa chương trình năm 2024, 2022
209			4.1.04		Biên bản Hội thảo chuyên gia về chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2024, 2022
210			4.1.05		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2024, 2022
211			4.1.06		Phiếu đóng góp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định (Bản phản biện chương trình đào tạo năm 2024, 2022
212			4.1.07		Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2024, 2022
213				1.1.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					2024
214				1.1.02	Quyết định số 244/QĐ-CG< ngày 20/07/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
215		4.2		4.1.02	Quyết định thành lập các tiểu ban rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2024, 2022
216				4.1.05	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2024, 2022
217				4.1.06	Phiếu đóng góp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định năm 2024, 2022 (Bản phản biện chương trình đào tạo)
218				4.1.07	Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2024, 2022
219				1.1.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2024
220				1.1.02	Quyết định số 244/QĐ-CG< ngày 20/07/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
221			4.2.01		Giấy mời các chuyên gia và giáo viên ngoài trường
222		4.3		1.1.01	Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024.
223				2.4.01	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2024
224				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
225				2.3.17	Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
226				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
227				2.3.19	Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023
228		4.4		1.1.01	Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024
229				2.4.01	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng
230				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
231				2.3.17	Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
232				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
233				2.3.19	Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023
234		4.5		1.1.01	Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024
235				2.4.01	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng
236				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
237				2.3.17	Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
238				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
239				2.3.19	Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023
240		4.6		1.1.01	QĐ số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình năm 2024
241				2.4.01	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm
242			4.6.01		Quy trình đánh giá kết quả học tập của HSSV
243				2.5.03	Quy trình kiểm tra kết thúc modun, môn học
244				2.5.01	Quy chế đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
245		4.7		1.1.01	QĐ số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình năm 2024
246				2.4.01	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng
247				2.3.17	Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
248				2.3.19	Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023
249		4.8	4.8.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô (trình độ sơ cấp)
250				1.1.01	Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024
251				2.7.05	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo liên thông
252			4.8.02		Các bộ chương trình đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô
253				2.7.06	Biên bản họp hội đồng rà soát, chỉnh sửa chương trình liên thông
254				2.7.07	Biên bản thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo liên thông
255		4.9		1.1.01	Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024
256				2.4.01	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng
257			4.9.01		Bảng kê Danh mục giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022
258			4.9.02		Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022
259		4.10		4.9.01	Bảng kê Danh mục giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2024
260				4.9.02	Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2024
261				1.1.01	Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
262				1.1.02	Quyết định số 244/QĐ-CG< ngày 20/07/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
263				2.4.01	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2024
264			4.10.01		Danh mục giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022
265				4.9.01	Danh mục giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2024
266			4.10.02		Quy trình bổ sung, chỉnh sửa giáo trình đào tạo
267			4.10.03		Kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa giáo trình năm 2022, 2024
268			4.10.04		Quyết định thành lập Hội đồng biên soạn, điều chỉnh giáo trình năm 2022, 2024
269			4.10.05		Biên bản Hội thảo thẩm định các bộ giáo trình đào tạo 2022, 2024
270			4.10.06		Biên bản nghiệm thu giáo trình 2022, 2024
271		4.11		1.1.01	Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024
272				2.4.01	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng
273				4.9.01	Danh mục giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2024
274				4.9.02	Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2024
275			4.11.01		Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2022, 2024
276				4.10.04	Quyết định thành lập Hội đồng biên soạn, điều chỉnh giáo trình năm 2022, 2024
277				4.10.05	Biên bản Hội thảo thẩm định các bộ giáo trình đào tạo năm 2022, 2024
278				4.10.06	Biên bản nghiệm thu giáo trình
279			4.11.02		Quyết định ban hành và áp dụng giáo trình 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
280				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
281				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
282		4.12		1.1.01	Quyết định số 294/QĐ-CG< ngày 05/07/2024 về việc Ban hành Chương trình đào tạo năm 2024
283				2.4.01	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng
284				4.9.01	Danh mục giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2024
285				4.9.02	Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2024
286				4.10.05	Biên bản Hội thảo thẩm định các bộ giáo trình đào tạo
287				4.10.06	Biên bản nghiệm thu giáo trình
288				2.3.17	Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
289				2.3.19	Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023
290		5.1	5.1.01		Hồ sơ hoàn công
291			5.1.02		Hình ảnh các khu nhà học, xưởng thực hành
292			5.1.03		Bảng thống kê số lượng, diện tích phòng học, xưởng thực hành
293			5.1.04		Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Cơ giới
294			5.1.05		Hợp đồng cung cấp điện; Hóa đơn thanh toán tiền điện; Hồ sơ lắp đặt trạm biến áp
295			5.1.06		Hình ảnh hệ thống cung cấp điện, nước thực tế của nhà trường
296			5.1.07		Bản vẽ hệ thống điện)
297			5.1.08		Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt; Hóa đơn thanh toán tiền nước
298			5.1.09		Bản vẽ hệ thống cung cấp nước sinh hoạt
299			5.1.10		Hồ sơ quản lý công tác phòng cháy chữa cháy

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
300			5.1.11		Hồ sơ quản lý xưởng thực hành
301			5.1.12		Sơ đồ bố trí sắp xếp thiết bị phòng/xưởng
302				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
303				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
304	5.2			5.1.11	Hồ sơ quản lý xưởng thực hành
305				5.1.04	Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Cơ giới
306			5.2.01		Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu
307			5.2.02		Danh mục dạy nghề tối thiểu
308			5.2.03		Biên bản kiểm kê hàng năm
309			5.2.04		Thống kê số lượng người học từng nghề hàng năm
310				3.3.01	Danh sách HSSV học nghề Công nghệ ô tô hàng năm
311				2.2.02	Thời khóa biểu năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025
312				2.2.07	Sổ lên lớp
313	5.3			5.2.01	Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Cơ giới
314				5.2.01	Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu
315				2.2.02	Thời khóa biểu năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025
316				2.2.03	Kế hoạch giáo viên năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025
317				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
318				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
319	5.4		5.4.01		Kế hoạch tổ chức tập huấn an toàn lao động, vệ sinh lao động
320			5.4.02		Bài giảng của giáo viên về an toàn lao động, vệ sinh lao động

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
321			5.4.03		Hình ảnh buổi tập huấn
322				5.1.12	Sơ đồ bố trí sắp xếp thiết bị phòng/xưởng
323				5.1.02	Hình ảnh chụp các xưởng
324			5.4.04		Nội quy xưởng thực hành
325			5.4.05		Báo cáo kiểm tra xưởng, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng và bảo dưỡng phòng học, xưởng thực hành hàng tháng
326			5.4.06		Biên bản kiểm tra hoạt động xưởng thực hành
327			5.4.07		Quy trình quản lý xưởng thực hành
328				5.1.11	Hồ sơ quản lý xưởng thực hành
329				5.2.01	Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Cơ giới
330			5.4.08		Quyết định ban hành; Quy trình bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị
331			5.4.09		Quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của nhà sản xuất
332			5.4.10		Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị định kỳ
333				5.1.11	Hồ sơ quản lý xưởng thực hành
334				5.4.02	Báo cáo kiểm tra xưởng, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng và bảo dưỡng phòng học, xưởng thực hành hàng tháng
335			5.4.08		Bảng hướng dẫn sử dụng trang thiết bị
336				5.2.03	Biên bản kiểm kê hàng năm
337		5.5		1.3.06	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024
338				1.3.05	Quyết định ban hành định mức vật tư khoa Cơ giới
339			5.5.01		Quy định về việc quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên, nhiên vật liệu

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
340				1.3.12	Sổ sách theo dõi cấp phát - thu nhận vật tư, dụng cụ năm 2022, 2023, 2024
341				1.3.11	Phiếu xuất-nhập kho năm 2022, 2023, 2024
342				1.3.09	Dự trữ vật tư của khoa Cơ giới năm 2022, 2023, 2024
343				1.3.10	Giấy yêu cầu vật tư
344			5.5.02		Báo cáo đánh giá việc cấp phát-thu nhập thiết bị, vật tư, vật liệu năm 2022, 2023, 2024
345			5.5.03		Quyết định thành lập các kho và cán bộ phụ trách
346			5.5.04		Hình ảnh các kho lưu trữ;
347			5.5.05		Báo cáo hoạt động của kho năm 2022, 2023, 2024
348				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
349				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
350		5.6		4.9.01	Bảng kê Danh mục giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022
351				4.9.02	Bản in các giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022
352			5.6.01		Bản in sách, tài liệu tham khảo
353			5.6.02		Giáo trình, tài liệu tham khảo được số hóa
354			5.6.03		Sơ đồ mặt bằng thư viện
355			5.6.04		Biên bản kiểm kê thư viện năm 2022, 2023, 2024
356			5.6.05		Hợp đồng cung cấp Internet
357			5.6.06		Hợp đồng Thư viện số
358				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
359				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
360		5.7		1.1.10	Website http://vcmi.edu.vn
361			5.7.01		Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện
362			5.7.02		Cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu đang sử dụng tại thư viện
363			5.7.03		Quyết định ban hành nội quy thư viện
364			5.7.04		Hình ảnh thư viện
365				5.6.05	Hợp đồng cung cấp Internet
366			5.7.05		Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện hàng năm
367				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
368				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
369		5.8	5.8.01		Danh mục các phần mềm ảo
370				2.4.01	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô
371	6	6.1	6.1.01		Kế hoạch hoạt động đầu khoá
372				2.5.01	Quy chế đào tạo
373			6.1.02		Quy trình đánh giá kết quả học tập của HSSV
374				2.5.04	Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV
375			6.1.03		Quy chế công tác HSSV
376			6.1.04		Biên bản sinh hoạt lớp
377			6.1.05		Sổ tay học HSSV
378				1.1.10	Website http://vcmi.edu.vn
379				6.1.05	Biên bản sinh hoạt lớp
380				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
381				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
382		6.2	6.2.01		Quy chế miễn giảm học phí
383			6.2.02		Thông báo nộp hồ sơ miễn giảm học phí
384			6.2.03		Các Quyết định miễn giảm học phí và Danh sách HSSV được miễn giảm học phí theo quy định năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024
385			6.2.04		Danh sách HSSV được miễn giảm học phí theo quy định năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024
386				1.3.06	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024
387			6.2.04		Quyết định tặng học bổng khuyến khích năm học 2022 – 2023; 2023 - 2024
388			6.2.05		Quyết định khen thưởng HSSV tham gia tích cực hoạt động phong trào năm học 2022 – 2023; 2023 - 2024
389			6.2.06		Quyết định khen thưởng tập thể lớp HSSV xuất sắc năm học 2022 – 2023; 2023 - 2024
390			6.2.07		Khen thưởng HSSV tham gia tích cực phong trào xanh hoá trường học
391			6.2.08		Quyết định miễn giảm học phí cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn năm học 2022 – 2023; 2023 - 2024
392			6.2.09		Quyết định miễn lệ phí ký túc xá cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn năm học 2022 – 2023
393			6.2.10		Kế hoạch trao quà tết cho đoàn viên thanh niên có hoàn cảnh khó khăn
394			6.2.11		Danh sách chi tiền tết cho HSSV dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại Đồng Nai

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
395				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
396		6.3	6.3.01		Quyết định thành lập Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm
397			6.3.02		Quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm hỗ trợ tuyển sinh và tư vấn việc làm
398				2.3.17	Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
399			6.3.03		Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp
400				1.1.10	Website http://vcmi.edu.vn
401			6.3.04		website: vieclamdongnai.net
402				2.4.03	Thoả thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp
403				2.4.04	Quyết định cử HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp
404			6.3.05		Hình ảnh tư vấn tuyển dụng học sinh-sinh viên
405			6.3.06		Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn nghề
406			6.3.07		Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn nghề
407			6.3.08		Hình ảnh họp Hội đồng tư vấn nghề
408				2.5.08	Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp
409			6.3.09		Thư mời tham gia sàn giao dịch việc làm
410			6.3.10		Kế hoạch tham gia sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm
411			6.3.11		Hình ảnh hoạch tham gia sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm tỉnh Đồng nai
412			6.3.12		Báo cáo kết quả hoạt động của Trung tâm HTTS&TVVL năm 2022, 2023, 2024
413		6.4	6.4.01		Qui hoạch tổng thể khuôn viên nhà trường

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
414				5.1.01	Hồ sơ hoàn công xây dựng các công trình
415			6.4.02		Một số hình ảnh cảnh quan, nhà thi đấu đa năng, hội trường
416			6.4.03		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ và hình ảnh kèm theo
417			6.4.04		Kế hoạch tổ chức thể dục thể thao; Hội khoẻ phù đồng và hình ảnh kèm theo
418			6.4.05		Kế hoạch tổ chức ngày sách và văn hoá đọc Việt Nam và hình ảnh kèm theo
419			6.4.06		Kế hoạch Tổ chức Hội thi Vẽ tranh bảo vệ môi trường và hình ảnh kèm theo
420			6.4.07		Kế hoạch tổ chức hoạt động về nguồn và hình ảnh kèm theo
421			6.4.08		Kế hoạch tổ chức các hoạt động tình nguyện và hình ảnh kèm theo
422				2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
423				2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
424	7	7.1		2.3.17	Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
425				2.3.19	Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023
426		7.2		2.5.14	Quyết định tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
427				2.3.19	Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023
428		7.3		2.3.16	Bộ khảo sát Giáo viên và cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024
429		7.4		2.3.18	Bộ khảo sát HSSV đang học năm 2022, 2023, 2024
430				5.2.09	Thống kê số người học nghề Công nghệ ô tô hàng năm
431		7.5	7.5.01		Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
432			7.5.02		Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng năm 2022, 2023, 2024
433			7.5.03		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2022, 2023, 2024
434			7.5.04		Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Công nghệ ô tô năm 2022, 2023
435			7.5.05		Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2021, 2022, 2023
436			7.5.06		Báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2021, 2022, 2023
437			7.5.07		Công văn 1982/TCGDNN-CTMT ngày 30/09/2019
438			7.5.08		Quyết định thành lập Hội đồng thí điểm tự đánh giá theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao
439			7.5.09		Kế hoạch thực hiện thí điểm tự đánh giá theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao
440			7.5.10		Báo cáo tự đánh giá chất lượng theo hệ thống tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao
441			7.5.11		Công văn số 2311/TCGDNN-KĐCL ngày 24/10/2022 về việc đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao năm 2022
442		7.6	7.6.01		Kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm
443				5.3.03	Quyết định cử giáo viên đi học tập tại nước ngoài
444				3.6.03	Quyết định cử giáo viên đi thực tập doanh nghiệp
445				2.3.09	Các kế hoạch triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong công tác đào tạo
446			7.6.02		Các hợp đồng / tài liệu xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất
447		7.7		2.5.15	Biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
448				2.5.16	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023, 2024
449			7.7.01		Biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp 2021, 2022, 2023
450			7.7.02		Quyết định công nhận tốt nghiệp 2021, 2022, 2023
451				2.3.19	Bộ khảo sát lần vết HSSV năm 2022, 2023
452		7.8		2.3.17	Bộ khảo sát Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024